

Số: 168/QĐ-THCS&THPTQT

Tuần Giáo, ngày 26 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Thông báo kết quả thẩm định kinh phí, danh sách học sinh được hỗ trợ học kỳ II, năm học 2024-2025

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Thông báo số 1125/TB-SGDĐT ngày 23/4/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định kinh phí, danh sách học sinh các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của bà Đặng Thị Nhàn – Phụ trách kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Thông báo số 1125/TB-SGDĐT ngày 23/4/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định kinh phí, danh sách học sinh các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2024-2025 (có thông báo kèm theo).

- Hình thức công khai: Đăng trên Website và niêm yết tại bảng tin của đơn vị.
- Thời gian công khai: Từ ngày 26/04/2025 đến 25/05/2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) trong Ban giám hiệu, các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng Kế toán và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website trường;
- HSCV;
- Lưu : VT, KT.



Hoàng Xuân Bình

THÔNG BÁO

Kết quả thẩm định kinh phí, danh sách học sinh các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định hồ sơ xét duyệt học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2024-2025.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo tới các đơn vị trực thuộc danh sách học sinh đủ điều kiện được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; danh sách học sinh được hỗ trợ học bổng theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, học kỳ II năm học 2024-2025.

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

Căn cứ danh sách học sinh đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ do Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, các cơ sở giáo dục thực hiện các thủ tục chi trả kinh phí hỗ trợ cho học sinh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo quy định.

Nhận được Thông báo này, đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo khẩn trương tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực IX;
- Các phòng giao dịch số 1,2,3,4,5,6,7;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Tuyết Ban

**TỔNG HỢP KINH PHÍ, SỐ HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC NĂM HỌC 2024-2025
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP, NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Thông báo số 1125 /TB-SGDĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên trường	Năm học 2024-2025					Định mức hỗ trợ/1 tháng (triệu đồng)	Số tháng hỗ trợ (5 tháng)	Tổng cộng nhu cầu kinh phí (triệu đồng)
		Tổng số đối tượng (học sinh)							
		Tổng cộng	HS mồ côi	HS khuyết tật	Học sinh thuộc hộ nghèo	Điều 18.4 (Thôn, bản ĐBKK, xã KV 3)			
		1=(2+3+4+5)	2	3	4	5	6	7	8=(1*6*7)
	Tổng cộng	11.474	23	154	2.183	9.114	4	130	8.606
1	Trường THPT Mường Ảng	431	-	3	93	335	0,15	5	323,25
2	Trường THPT Tuần Giáo	711	-	11	117	583	0,15	5	533,25
3	Trường THPT Phan Đình Giót	336	-	3	77	256	0,15	5	252,00
4	Trường THPT Mường Luân	476	-	3	78	395	0,15	5	357,00
5	Trường THCS & THPT Quyết Tiến	1177	-	4	-	1.173	0,15	5	882,75
6	Trường THPT Chà Cang	491	-	3	184	304	0,15	5	368,25
7	Trường THPT Tòa Chùa	391	2	3	71	315	0,15	5	293,25
8	Trường THCS & THPT Tà Sin Thàng	700	-	1	90	609	0,15	5	525,00
9	Trường THPT Mường Nhé	931	-	3	364	564	0,15	5	698,25
10	Trường THPT Thanh Chân	204	-	3	31	170	0,15	5	153,00
11	Trường THPT huyện Điện Biên	223	1	5	23	194	0,15	5	167,25
12	Trường THPT Nậm Pồ	659	3	4	287	365	0,15	5	494,25
13	Trường THCS & THPT Quài Tở	1022	-	15	89	918	0,15	5	766,50
14	Trường THPT Trần Can	637	-	1	106	530	0,15	5	477,75
15	Trường THPT Mường Nhà	367	-	3	46	318	0,15	5	275,25
16	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	60	-	-	-	60	0,15	5	45,00
17	Trường THPT Nà Tấu	133	-	1	7	125	0,15	5	99,75
18	Trường THPT Búng Lao	628	-	6	91	531	0,15	5	471,00
19	Trường THPT huyện Mường Chà	673	-	2	215	456	0,15	5	504,75
20	Trường THPT TP Điện Biên Phủ	66	14	5	2	45	0,15	5	49,50
21	Trường THPT Mùn Chung	446	-	8	87	351	0,15	5	334,50
22	Trường THCS Lương Thế Vinh	37	-	1	-	36	0,15	5	27,75
23	Trường THPT TX Mường Lay	221	1	3	51	166	0,15	5	165,75
24	Trường THPT Thanh Nưa	287	2	-	33	252	0,15	5	215,25
25	Trung Tâm HTPTGD Hòa Nhập	62	-	62	-	-	0,15	5	46,50
26	Trung Tâm GDTX tỉnh	105	-	1	41	63	0,15	5	78,75

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 THEO
NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDĐT, ngày tháng 4 năm 2025 của Sở GDĐT)

Trường THCS & THPT Quài Tở

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
	Tổng cộng				1022	
I	Số học sinh đã được hưởng chính sách học kỳ I năm học 2024-2025, đủ điều kiện hưởng tiếp học kỳ II				916	
1	Lò Hà Phượng	2013	6A1	Thái	Khuyết tật tâm thần (động kinh)	
2	Tông Thế Ngọc	2013	6A1	Thái	Khuyết tật cảm giác bẩm sinh	
3	Sùng Ánh Sơn	2013	6A2	HMông	Khuyết tật Trí tuệ - nặng	
4	Lò Văn Quyền	2012	7A1	Thái	Khuyết tật vận động	
5	Lường Việt Ninh	2012	7A5	Thái	Khuyết tật Trí tuệ	
6	Lò Thị Thùy Linh	2012	7A3	Thái	Khuyết tật trí tuệ nặng	
7	Lò Thị Doan	2007	7A5	Thái	Khuyết tật	
8	Lò Thị Kim Cúc	2011	8A2	Thái	Khuyết tật	
9	Lò Văn Hưng	2010	9A1	Thái	Khuyết tật	
10	Tông Minh Nguyệt	2008	11B3	Thái	Khuyết tật	
11	Cà Văn Thái	2008	11B4	Thái	Khuyết tật	
12	Vừ Thị Xuân	2008	11B4	HMông	Khuyết tật	
13	Cà Ngọc Khánh	2007	12C3	Thái	Khuyết tật	
14	Vàng Thái Phong	2012	7A1	HMông	Khuyết tật tâm thần	
15	Lường Hà Linh	2012	7A4	Thái	Khuyết tật	
16	Cà Bảo Chính	2013	6A1	Thái	GĐ hộ nghèo	
17	Tông Văn Cương	2013	6A1	Thái	GĐ hộ nghèo	
18	Lò Thị Thanh Liên	2013	6A2	Khơ Mú	GĐ hộ nghèo	
19	Lò Việt Trung	2013	6A2	Thái	GĐ hộ nghèo	
20	Cà Thị Lan Hương	2013	6A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
21	Lò Thanh Tú	2013	6A3	Khơ mú	GĐ hộ nghèo	
22	Lò Thị Khánh Linh	2013	6A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
23	Lò Thị Dương	2012	7A1	Khơ mú	GĐ hộ nghèo	
24	Lò Văn Hiếu	2012	7A1	Khơ mú	GĐ hộ nghèo	
25	Cà Văn Công	2012	7A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
26	Lò Văn Hải	2012	7A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
27	Lường Quang Thắng	2012	7A3	Khơ Mú	GĐ hộ nghèo	
28	Quảng Thị Lệ Giang	2012	7A4	Thái	GĐ hộ nghèo	
29	Lò Thị Lan Anh	2012	7A5	Thái	GĐ hộ nghèo	
30	Bạc Thị Ngân Hà	2012	7A5	Thái	GĐ hộ nghèo	
31	Lò Thị Huyền Trang	2012	7A5	Thái	GĐ hộ nghèo	
32	Lường Thị Loan Nhi	2012	7A5	Thái	GĐ hộ nghèo	
33	Quảng Thành Đạt	2011	8A1	Thái	GĐ hộ nghèo	
34	Lù Xuân Ba	2011	8A1	Thái	GĐ hộ nghèo	
35	Lò Văn Trung	2011	8A2	Thái	GĐ hộ nghèo	
36	Cà Thị Thanh Thúy	2011	8A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
37	Lò Minh Quân	2011	8A3	Thái	GĐ hộ nghèo	
38	Lò Thị Tuệ	2011	8A3	Khơ Mú	GĐ hộ nghèo	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
39	Cà Thị Yến Nhi	2011	8A3	Thái	GD hộ nghèo	
40	Lò Thị Hoa	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo	
41	Lò Chí Quân	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo	
42	Lò Trương Huy	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo	
43	Lò Văn Sơn	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo	
44	Lò Văn Duy	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo	
45	Lò Văn Thanh	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
46	Lò Văn Trường	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo	
47	Lương Văn Minh	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo	
48	Mùa Cá Ly	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo	
49	Giàng Thị Sia	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo	
50	Vừ Thái Tuấn	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo	
51	Lò Văn Sơn	2008	11B4	Thái	GD hộ nghèo	
52	Lò Văn Mừng	2007	12C1	Thái	GD hộ nghèo	
53	Lò Văn Tiến	2007	12C1	Thái	GD hộ nghèo	
54	Mùa Thị Diệu Linh	2007	12C1	HMông	GD hộ nghèo	
55	Lò Văn Huy	2007	12C1	Thái	GD hộ nghèo	
56	Lương Thị Thoa	2007	12C2	Thái	GD hộ nghèo	
57	Quảng Hải Quân	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo	
58	Quảng Văn Sơn	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo	
59	Cà Thị Điện	2007	12C4	Thái	GD hộ nghèo	
60	Vàng Thị Mỹ	2013	6A4	HMông	GD hộ nghèo	
61	Quảng Văn Huy	2013	6A4	Thái	GD hộ nghèo	
62	Lò Thị Huyền	2011	8A1	Khơ Mú	GD hộ nghèo	
63	Vàng Thị Dừa	2011	8A4	HMông	GD hộ nghèo	
64	Lò Thị Hòa	2010	9A2	Thái	GD hộ nghèo	
65	Lò Văn Hồng	2010	9A2	Thái	GD hộ nghèo	
66	Mùa A Xích	2009	10A1	HMông	GD hộ nghèo	
67	Lò Văn Dương	2009	10A2	Kháng	Hộ nghèo	
68	Mùa A Lữ	2009	10A2	HMông	Hộ nghèo	
69	Mùa A Thái	2009	10A2	HMông	Hộ nghèo	
70	Lò Văn Trường	2009	10A2	Thái	Hộ nghèo	
71	Quảng Thị An	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
72	Lò Việt Hà	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
73	Lương Văn Hào	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
74	Lò Thị Kim Ngân	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
75	Sùng Thị Nhuận	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo	
76	Lâu Thái Sơn	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo	
77	Cà Văn Thông	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo	
78	Thào Thị Vân	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo	
79	Giàng A Dũng	2008	11B1	HMông	GD hộ nghèo	
80	Lương Thị Nga	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo	
81	Lò Thị Ninh	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo	
82	Giàng A Tiến	2008	11B1	HMông	GD hộ nghèo	
83	Lò Việt Vũ	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo	
84	Giàng Thị Chu	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo	
85	Giàng A Minh	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo	
86	Lâu A Vàng	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo	
87	Ly A Súa	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
88	Lò Văn Nguyên	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo	
89	Lò Văn Thương	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo	
90	Bạc Thị Hiền	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo	
91	Lò Văn Hùng	2007	11B3	Thái	GD hộ nghèo	
92	Bạc Cẩm Nam	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo	
93	Lường Thị Nga	2007	12C2	HMông	GD hộ nghèo	
94	Mùa Thị Nhia	2007	12C3	HMông	GD hộ nghèo	
95	Lường Quang Trung	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo	
96	Giàng A Tính	2007	12C3	HMông	GD hộ nghèo	
97	Ly A Vừ	2007	12C4	HMông	GD hộ nghèo	
98	Lò Thị Bảo Châu	2013	6A1	Thái	DTKV3	
99	Lò Phi Hùng	2013	6A1	Thái	DTKV3	
100	Lò Việt Huy	2013	6A1	Thái	DTKV3	
101	Lò Thị Diệu Anh	2013	6A1	Thái	DTKV3	
102	Tông Thị Mai Chi	2013	6A1	Thái	DTKV3	
103	Lò Việt Đông	2013	6A1	Thái	DTKV3	
104	Cà Thị Giang	2013	6A1	Thái	DTKV3	
105	Tông Gia Huy	2013	6A1	Thái	DTKV3	
106	Quàng Minh Khôi	2013	6A1	Thái	DTKV3	
107	Lường Duy Khánh	2013	6A1	Thái	DTKV3	
108	Tông Minh Lan	2013	6A1	Thái	DTKV3	
109	Lò Anh Đạt	2013	6A1	Thái	DTKV3	
110	Lò Thị Ngọc	2013	6A1	Thái	DTKV3	
111	Lò Cà Quý Nhi	2013	6A1	Thái	DTKV3	
112	Lò Khánh Phương	2013	6A1	Thái	DTKV3	
113	Quàng Tuyên Quang	2013	6A1	Thái	DTKV3	
114	Lường Thị Thảo	2013	6A1	Thái	DTKV3	
115	Lò Thị Thanh Thủy	2013	6A1	Thái	DTKV3	
116	Quàng Thị Thanh Thủy	2013	6A1	Thái	DTKV3	
117	Tông Thanh Trúc	2013	6A1	Thái	DTKV3	
118	Lò Văn Trường	2013	6A1	Thái	DTKV3	
119	Lò Văn Tuấn	2013	6A1	Thái	DTKV3	
120	Tông Đức Tuyên	2013	6A1	Thái	DTKV3	
121	Lò Thị Phương Uyên	2013	6A1	Thái	DTKV3	
122	Lò Văn Xuân	2013	6A1	Thái	DTKV3	
123	Tông Thị Bảo Trúc	2013	6A2	Thái	DTKV3	
124	Lường Văn Việt	2013	6A2	Thái	DTKV3	
125	Tông Văn Việt	2013	6A2	Thái	DTKV3	
126	Tông Mai Hà	2013	6A2	Thái	DTKV3	
127	Lường Văn Nghĩa	2013	6A2	Kho Mú	DTKV3	
128	Lò Tuấn Tú	2013	6A2	Thái	DTKV3	
129	Quàng Anh Việt	2013	6A2	Thái	DTKV3	
130	Tông Văn Dũng	2013	6A2	Thái	DTKV3	
131	Lường Mạnh Duy	2013	6A2	Thái	DTKV3	
132	Tông Thị Diệp	2013	6A2	Thái	DTKV3	
133	Lò Tiến Đạt	2013	6A2	Thái	DTKV3	
134	Cà Văn Đông	2013	6A2	Thái	DTKV3	
135	Tông Khải Đoàn	2013	6A2	Thái	DTKV3	
136	Tông Thị Ngọc Diệp	2013	6A2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
137	Lương Mạnh Huy	2013	6A2	Thái	DTKV3	
138	Lò Quang Khải	2013	6A2	Thái	DTKV3	
139	Lò Quốc Khánh	2013	6A2	Thái	DTKV3	
140	Tông Thị Thủy Linh	2013	6A2	Thái	DTKV3	
141	Lò Thị Thủy Linh	2013	6A2	Thái	DTKV3	
142	Tông Diễm Ngọc	2013	6A2	Thái	DTKV3	
143	Lò Thị Bích Nguyệt	2013	6A2	Thái	DTKV3	
144	Vũ Minh Nhật	2013	6A2	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
145	Lò Thị Thảo Nhi	2013	6A2	Thái	DTKV3	
146	Quảng Thị Tâm Như	2013	6A2	Thái	DTKV3	
147	Quảng Thị Hồng Nhung	2013	6A2	Thái	DTKV3	
148	Cà Xuân Thành	2013	6A2	Thái	DTKV3	
149	Nguyễn Như Thảo	2013	6A2	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
150	Lò Thị Huyền Trang	2013	6A2	Thái	DTKV3	
151	Quảng Thị Bảo Trang	2013	6A2	Thái	DTKV3	
152	Lò Hải Đăng	2013	6A3	Khơ mú	DTKV3	
153	Cà Văn Đạt	2013	6A3	Thái	DTKV3	
154	Quảng Mạnh Cường	2013	6A3	Thái	DTKV3	
155	Lò Bảo Ngân	2013	6A3	Thái	DTKV3	
156	Lương Anh Quốc	2013	6A3	Thái	DTKV3	
157	Quảng Thị Huyền Trang	2013	6A3	Thái	DTKV3	
158	Cà Khánh Linh	2013	6A3	Thái	DTKV3	
159	Tông Thị Kim Uyên	2013	6A3	Thái	DTKV3	
160	Lò Thị Yến Nhi	2013	6A3	Thái	DTKV3	
161	Quảng Bảo Duy	2013	6A3	Thái	DTKV3	
162	Tông Minh Anh	2013	6A3	Thái	DTKV3	
163	Tông Mạnh Cường	2013	6A3	Thái	DTKV3	
164	Lò Văn Duy	2013	6A3	Thái	DTKV3	
165	Lương Hoàng Duy	2013	6A3	Thái	DTKV3	
166	Quảng Thị Thu Hà	2013	6A3	Thái	DTKV3	
167	Cà Thị Kiều Hoa	2013	6A3	Thái	DTKV3	
168	Quảng Thị Nhi	2013	6A3	Thái	DTKV3	
169	Lò Thị Linh	2013	6A3	Thái	DTKV3	
170	Lương Thị Linh	2013	6A3	Thái	DTKV3	
171	Lương Thị Kim Nga	2013	6A3	Thái	DTKV3	
172	Lương Thị Kim Nguyệt	2013	6A3	Thái	DTKV3	
173	Quảng Thị Tâm Như	2013	6A3	Thái	DTKV3	
174	Lò Tuyết Nhung	2013	6A3	Thái	DTKV3	
175	Lò Anh Quân	2013	6A3	Thái	DTKV3	
176	Lò Minh Quân	2013	6A3	Thái	DTKV3	
177	Phan Thị Thanh Trúc	2013	6A3	Thái	DTKV3	
178	Lò Thị Phương Vy	2013	6A3	Thái	DTKV3	
179	Lò Thị Bảo Yến	2013	6A3	Thái	DTKV3	
180	Cà Thị Yến	2013	6A3	Thái	DTKV3	
181	Lò Đại Bằng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
182	Lò Văn Chính	2013	6A4	Thái	DTKV3	
183	Lò Thị Ngọc Diệp	2013	6A4	Thái	DTKV3	
184	Cà Thị Thùy Dương	2013	6A4	Thái	DTKV3	
185	Cà Văn Tú	2013	6A4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
186	Lò Văn Duy	2013	6A4	Kmú	DTKV3	
187	Cà Thị Ngân Hà	2013	6A4	Thái	DTKV3	
188	Lò Thu Hà	2013	6A4	Thái	DTKV3	
189	Quảng Thanh Hải	2013	6A4	Thái	DTKV3	
190	Lò Thị Thanh Hằng	2013	6A4	Khơ mú	DTKV3	
191	Lường Thúy Hằng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
192	Lò Văn Hoàng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
193	Lò Thành Hưng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
194	Quảng Văn Huy	2013	6A4	Thái	DTKV3	
195	Lò Thanh Lâm	2013	6A4	Thái	DTKV3	
196	Lò Thị Mai Ly	2013	6A4	Thái	DTKV3	
197	Lò Văn Việt	2013	6A4	Thái	DTKV3	
198	Cà Duy Mạnh	2013	6A4	Thái	DTKV3	
199	Cà Văn Mạnh	2013	6A4	Thái	DTKV3	
200	Tông Thị Thủy Ngân	2013	6A4	Thái	DTKV3	
201	Lò Phương Thúy	2013	6A4	Thái	DTKV3	
202	Lò Hoàn Khánh	2013	6A4	Thái	DTKV3	
203	Vi Văn Nhớ	2013	6A4	Thái	DTKV3	
204	Lường Duy Phúc	2013	6A4	Thái	DTKV3	
205	Lò Đức Tài	2013	6A4	Thái	DTKV3	
206	Lò Mạnh Tân	2013	6A4	Thái	DTKV3	
207	Lò Văn Thân	2013	6A4	Kmú	DTKV3	
208	Tông Thị Quỳnh Trang	2013	6A4	Thái	DTKV3	
209	Lường Mai Trinh	2013	6A4	Thái	DTKV3	
210	Lường Văn Trọng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
211	Phạm Văn Ngọc Thạch	2013	6A4	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
212	Quảng Phương An	2012	7A1	Thái	DTKV3	
213	Quảng Thị Bích Huyền	2012	7A1	Thái	DTKV3	
214	Lò Minh Thìn	2012	7A1	Thái	DTKV3	
215	Cà Thị Thu Thủy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
216	Quảng Thị Tuyết	2012	7A1	Thái	DTKV3	
217	Bùi Việt Anh	2012	7A1	Mường	DTKV3	
218	Lò Văn Anh	2012	7A1	Thái	DTKV3	
219	Quảng Thị Phương Anh	2012	7A1	Thái	DTKV3	
220	Cà Gia Bảo	2012	7A1	Thái	DTKV3	
221	Cà Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
222	Lường Thế Duy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
223	Tông Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
224	Lò Thị Thanh Hằng	2012	7A1	Thái	DTKV3	
225	Lò Văn Huy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
226	Tông Văn Hưng	2012	7A1	Thái	DTKV3	
227	Lò Đức Khải	2012	7A1	Thái	DTKV3	
228	Cà Thị Kiều	2012	7A1	Thái	DTKV3	
229	Lò Thị Mai Linh	2012	7A1	Thái	DTKV3	
230	Lường Thùy Linh	2012	7A1	Thái	DTKV3	
231	Tông Thị Thùy Linh	2012	7A1	Thái	DTKV3	
232	Cà Văn Long	2012	7A1	Thái	DTKV3	
233	Lò Bảo Nguyên	2012	7A1	Thái	DTKV3	
234	Lường Thanh Tùng	2012	7A1	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
235	Tùng Thanh Tùng	2012	7A1	Thái	DTKV3	
236	Lò Bảo Việt	2012	7A1	Thái	DTKV3	
237	Tùng Thị Xuân	2012	7A1	Thái	DTKV3	
238	Lò Thị Dịu	2012	7A2	Khơ mú	DTKV3	
239	Lường Anh Đạt	2012	7A2	Thái	DTKV3	
240	Quảng Văn Hoàng	2012	7A2	Thái	DTKV3	
241	Lò Thị Mai	2012	7A2	Thái	DTKV3	
242	Tùng Văn An	2012	7A2	Thái	DTKV3	
243	Lò Tuấn Anh	2012	7A2	Thái	DTKV3	
244	Tùng Thị Nguyệt Anh	2012	7A2	Thái	DTKV3	
245	Đieu Chính Gia Bảo	2012	7A2	Thái	DTKV3	
246	Lường Thị Bảo Châm	2012	7A2	Thái	DTKV3	
247	Lò Bảo Châu	2012	7A2	Thái	DTKV3	
248	Lò Thị Ngọc Diệp	2012	7A2	Thái	DTKV3	
249	Lường Văn Dũng	2012	7A2	Thái	DTKV3	
250	Lò Minh Đức	2012	7A2	Thái	DTKV3	
251	Lò Mạnh Hải	2012	7A2	Thái	DTKV3	
252	Tùng Thị Thanh Hiền	2012	7A2	Thái	DTKV3	
253	Tùng Trung Hiếu	2012	7A1	Thái	DTKV3	
254	Lò Văn Mạnh Hùng	2012	7A2	Thái	DTKV3	
255	Lò Thị Mai Lan	2012	7A2	Thái	DTKV3	
256	Tùng Thị Diệu Linh	2012	7A2	Thái	DTKV3	
257	Lò Thị Quỳnh Nga	2012	7A2	Thái	DTKV3	
258	Quảng Thị Bích Ngọc	2012	7A2	Thái	DTKV3	
259	Lò Thị Nhi	2012	7A2	Thái	DTKV3	
260	Quảng Thị Ngọc Nhi	2012	7A2	Thái	DTKV3	
261	Quảng Thị Nhi	2012	7A2	Thái	DTKV3	
262	Quảng Thị Phận	2012	7A2	Thái	DTKV3	
263	Lò Thị Thẩm	2012	7A2	Thái	DTKV3	
264	Lò Anh Tuấn	2012	7A2	Thái	DTKV3	
265	Quảng Văn Phú	2012	7A2	Thái	DTKV3	
266	Lò Văn Tùng	2012	7A2	Thái	DTKV3	
267	Lò Thị An	2012	7A3	Thái	DTKV3	
268	Quảng Văn Mạnh Cường	2012	7A3	Thái	DTKV3	
269	Cà Thị Triều Dương	2012	7A3	Thái	DTKV3	
270	Quảng Thu Hà	2012	7A3	Thái	DTKV3	
271	Lường Duy Hoàng	2012	7A3	Thái	DTKV3	
272	Lò Tuấn Kiệt	2012	7A3	Thái	DTKV3	
273	Lường Thị Bảo Lan	2012	7A3	Thái	DTKV3	
274	Lường Thị Chà My	2012	7A3	Thái	DTKV3	
275	Lò Minh Sang	2012	7A3	Thái	DTKV3	
276	Lường Thị Ngọc Châu	2012	7A3	Thái	DTKV3	
277	Lò Đức Chiến	2012	7A3	Thái	DTKV3	
278	Lò Văn Chinh	2012	7A3	Thái	DTKV3	
279	Tùng Thị Kiều Diễm	2012	7A3	Thái	DTKV3	
280	Lường Thị Diên	2012	7A3	Thái	DTKV3	
281	Lò Hoàng Đức Duy	2012	7A3	Thái	DTKV3	
282	Lò Văn Đăng Dương	2012	7A3	Thái	DTKV3	
283	Tùng Thị Hằng	2012	7A3	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
284	Quảng Thị Thu Hoài	2012	7A3	Thái	DTKV3	
285	Lò Đăng Khôi	2012	7A3	Thái	DTKV3	
286	Quảng Gia Kiệt	2012	7A3	Thái	DTKV3	
287	Lò Thị Diệu Linh	2012	7A3	Thái	DTKV3	
288	Ngô Hà Linh	2012	7A3	Thái	DTKV3	
289	Lường Bảo Long	2012	7A3	Thái	DTKV3	
290	Tùng Văn Luyện	2012	7A3	Thái	DTKV3	
291	Lò Thị Kim Ngân	2012	7A3	Thái	DTKV3	
292	Lò Văn Nghĩa	2012	7A3	Thái	DTKV3	
293	Lường Trọng Nghĩa	2012	7A3	Thái	DTKV3	
294	Lò Thị Bích Phượng	2012	7A3	Thái	DTKV3	
295	Tùng Minh Quang	2012	7A3	Thái	DTKV3	
296	Lò Hồng Quân	2012	7A3	Thái	DTKV3	
297	Cà Văn Thông	2012	7A3	Thái	DTKV3	
298	Cà Thị Thùy Trang	2012	7A3	Thái	DTKV3	
299	Đình Thị Bảo Trâm	2012	7A3	Mường	DTKV3	
300	Tùng Thị Phương Vy	2012	7A3	Thái	DTKV3	
301	Cà Thanh Thùy	2012	7A4	Thái	DTKV3	
302	Cà Việt Bắc	2012	7A4	Thái	DTKV3	
303	Tùng Thị Hồng Châm	2012	7A4	Thái	DTKV3	
304	Lường Thanh Điệp	2012	7A4	Thái	DTKV3	
305	Cà Xuân Hải	2012	7A4	Thái	DTKV3	
306	Lò Thị Ngọc	2012	7A4	Thái	DTKV3	
307	Lò Văn Nguyên	2012	7A4	Thái	DTKV3	
308	Tùng Phương Anh	2012	7A4	Thái	DTKV3	
309	Lò Mạnh Cường	2012	7A4	Thái	DTKV3	
310	Lò Đức Duy	2012	7A4	Thái	DTKV3	
311	Lò Thế Đạt	2012	7A4	Thái	DTKV3	
312	Tùng Tiến Đạt	2012	7A4	Thái	DTKV3	
313	Lò Văn Giang	2012	7A4	Thái	DTKV3	
314	Quảng Văn Giang	2012	7A4	Thái	DTKV3	
315	Quảng Thị Thu Hà	2012	7A4	Thái	DTKV3	
316	Lò Thị Thu Hằng	2012	7A4	Thái	DTKV3	
317	Tùng Văn Hiệp	2012	7A4	Thái	DTKV3	
318	Lò Quốc Hiệu	2012	7A4	Thái	DTKV3	
319	Tùng Thị Hoài	2012	7A4	Thái	DTKV3	
320	Lò Minh Huy	2012	7A4	Thái	DTKV3	
321	Lò Văn Nghĩa	2012	7A4	Thái	DTKV3	
322	Lò Thị Phương	2012	7A4	Thái	DTKV3	
323	Lò Thị Thao	2012	7A4	Thái	DTKV3	
324	Tùng Thị Hồng Thìn	2012	7A4	Thái	DTKV3	
325	Lò Minh Thư	2012	7A4	Thái	DTKV3	
326	Tùng Quang Tiến	2012	7A4	Thái	DTKV3	
327	Quảng Bảo Trang	2012	7A4	Thái	DTKV3	
328	Lò Thị Thanh Trang	2012	7A4	Thái	DTKV3	
329	Phạm Anh Khoa	2012	7A4	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
330	Lò Thị Mai Chinh	2012	7A5	Thái	DTKV3	
331	Cà Việt Hoàng	2012	7A5	Thái	DTKV3	
332	Lò Quang Huy	2012	7A5	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
333	Lò Thị Ngân	2012	7A5	Thái	DTKV3	
334	Lò Thị Uyên Nhi	2012	7A5	Thái	DTKV3	
335	Lò Thị Tuyết Trang	2012	7A5	Thái	DTKV3	
336	Cà Thị Ngọc Tuyết	2012	7A5	Thái	DTKV3	
337	Tông Văn Thảo	2012	7A5	Thái	DTKV3	
338	Lò Quốc Đại	2012	7A5	Thái	DTKV3	
339	Quảng Thị Tuyết Dung	2012	7A5	Thái	DTKV3	
340	Cà Văn Duy	2012	7A5	Thái	DTKV3	
341	Tông Trung Hiếu	2012	7A5	Thái	DTKV3	
342	Lò Thị Giang Kiều	2012	7A5	Thái	DTKV3	
343	Cà Thị Diệu Linh	2012	7A5	Thái	DTKV3	
344	Lò Thị Yến Nhi	2012	7A5	Thái	DTKV3	
345	Tông Thị Kim Oanh	2012	7A5	Thái	DTKV3	
346	Lò Văn Quý	2012	7A5	Thái	DTKV3	
347	Quảng Thị Thương	2012	7A5	Thái	DTKV3	
348	Lò Thị Thu Thủy	2012	7A5	Thái	DTKV3	
349	Tông Văn Tiên	2012	7A5	Thái	DTKV3	
350	Lò Thanh Tiệp	2012	7A5	Thái	DTKV3	
351	Cà Văn Trường	2012	7A5	Thái	DTKV3	
352	Lò Thị Ngọc Tuyết	2012	7A5	Thái	DTKV3	
353	Tông Minh Đức	2012	7A5	Thái	DTKV3	
354	Lò Quang Huy	2012	7A5	Thái	DTKV3	
355	Quảng Thị Chi Su	2012	7A5	Thái	DTKV3	
356	Lò Thị Văn	2012	7A5	Thái	DTKV3	
357	Lò Thu Hà	2011	8A1	Thái	DTKV3	
358	Quảng Văn Khánh	2011	8A1	Thái	DTKV3	
359	Phạm Thị Hồng Thủy	2011	8A1	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
360	Lò Văn Thạo	2011	8A1	Khơ Mú	DTKV3	
361	Cà Thu Hằng	2011	8A1	Thái	DTKV3	
362	Lò Thị Lan Anh	2011	8A1	Thái	DTKV3	
363	Lò Thị Anh Đào	2011	8A1	Thái	DTKV3	
364	Lò Thị Ngọc Hà	2011	8A1	Thái	DTKV3	
365	Tông Thị Hương	2011	8A1	Thái	DTKV3	
366	Cà Tuấn Khang	2011	8A1	Thái	DTKV3	
367	Lò Văn Phú	2011	8A1	Thái	DTKV3	
368	Lò Thị Phụng	2011	8A1	Thái	DTKV3	
369	Quảng Lê Quyên	2011	8A1	Thái	DTKV3	
370	Lường Văn Thực	2011	8A1	Thái	DTKV3	
371	Lò Thị Huyền Trang	2011	8A1	Thái	DTKV3	
372	Tông Thị Bảo Trâm	2011	8A1	Thái	DTKV3	
373	Lò Đức Trọng	2011	8A1	Thái	DTKV3	
374	Tông Thị Huyền	2011	8A1	Thái	DTKV3	
375	Quảng Tuấn Quỳnh	2011	8A1	Thái	DTKV3	
376	Tông Thị Chung	2011	8A1	Thái	DTKV3	
377	Quảng Văn Niệm	2011	8A1	Thái	DTKV3	
378	Lò Quý Minh	2011	8A1	Thái	DTKV3	
379	Tông Văn Quyết	2011	8A1	Thái	DTKV3	
380	Lường Ngọc Tiến	2011	8A1	Thái	DTKV3	
381	Lường Thị Quỳnh Chi	2011	8A2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
382	Lò Thị Thuỳên Hậu	2011	8A2	Thái	DTKV3	
383	Cà Đức Hiệp	2011	8A2	Thái	DTKV3	
384	Lò Thanh Lâm	2011	8A2	Thái	DTKV3	
385	Lò Thị Bảo Vy	2011	8A2	Thái	DTKV3	
386	Lò Thị Mai Chi	2011	8A2	Thái	DTKV3	
387	Lò Khánh Duy	2011	8A2	Thái	DTKV3	
388	Lò Ánh Diệp	2011	8A2	Thái	DTKV3	
389	Lò Văn Hải	2011	8A2	Thái	DTKV3	
390	Cà Văn Hạnh	2011	8A2	Thái	DTKV3	
391	Cà Văn Hoàng	2011	8A2	Thái	DTKV3	
392	Quảng Văn Khải	2011	8A2	Thái	DTKV3	
393	Giàng Thị Ngọc Linh	2011	8A2	Thái	DTKV3	
394	Khoảng Diệu Linh	2011	8A2	Thái	DTKV3	
395	Cà Thị Ánh Nguyệt	2011	8A2	Thái	DTKV3	
396	Quảng Thị Hồng Nhung	2011	8A2	Thái	DTKV3	
397	Tông Thị Oanh	2011	8A2	Thái	DTKV3	
398	Tông Văn Quý	2011	8A2	Thái	DTKV3	
399	Quảng Hồng Thái	2011	8A2	Thái	DTKV3	
400	Lò Văn Thế	2011	8A2	Thái	DTKV3	
401	Quảng Văn Thư	2011	8A2	Thái	DTKV3	
402	Lò Chung Tĩnh	2011	8A2	Thái	DTKV3	
403	Cà Quý Trọng	2011	8A2	Thái	DTKV3	
404	Lò Thị Thuỳ	2011	8A3	Thái	DTKV3	
405	Cà Thị Thu Hà	2011	8A3	Thái	DTKV3	
406	Lò Văn An	2011	8A3	Thái	DTKV3	
407	Lò Thế Hiệp	2011	8A3	Thái	DTKV3	
408	Quảng Văn Thuận	2010	8A3	Thái	DTKV3	
409	Cà Hà Anh	2011	8A3	Thái	DTKV3	
410	Lò Thị Chi	2011	8A3	Thái	DTKV3	
411	Lò Văn Cường	2011	8A3	Thái	DTKV3	
412	Lò Thị Diệp	2011	8A3	Thái	DTKV3	
413	Lò Quốc Đạt	2011	8A3	Thái	DTKV3	
414	Lò Thị Hồng Diệp	2011	8A3	Thái	DTKV3	
415	Lương Thị Hiền	2011	8A3	Thái	DTKV3	
416	Lò Thanh Hoàng	2011	8A3	Thái	DTKV3	
417	Lương Thị Lệ	2011	8A3	Thái	DTKV3	
418	Lò Văn Nam	2011	8A3	Thái	DTKV3	
419	Lò Văn Nghĩa	2011	8A3	Thái	DTKV3	
420	Lò Thị Oanh	2011	8A3	Thái	DTKV3	
421	Lương Thị Vân Oanh	2011	8A3	Thái	DTKV3	
422	Lò Mạnh Quyền	2011	8A3	Thái	DTKV3	
423	Lò Thị Phương Thảo	2011	8A3	Thái	DTKV3	
424	Lò Tiến Minh	2011	8A3	Thái	DTKV3	
425	Cà Thị Hà Vy	2011	8A3	Thái	DTKV3	
426	Tông Mạnh Thắng	2010	8A3	Thái	DTKV3	
427	Cà Văn Duy	2011	8A4	Thái	DTKV3	
428	Cà Văn Hải	2011	8A4	Thái	DTKV3	
429	Cà Minh Hiếu	2011	8A4	Thái	DTKV3	
430	Lương Thị Thu Hoài	2011	8A4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
431	Lường Việt Trung	2011	8A4	Thái	DTKV3	
432	Lò Văn Anh	2011	8A4	Thái	DTKV3	
433	Lò Văn Đại	2011	8A4	Thái	DTKV3	
434	Lò Hải Đăng	2011	8A4	Thái	DTKV3	
435	Lò Duy Đông	2011	8A4	Thái	DTKV3	
436	Cà Văn Hùng	2011	8A4	Thái	DTKV3	
437	Lò Mạnh Hùng	2011	8A4	Thái	DTKV3	
438	Lò Văn Liêm	2011	8A4	Thái	DTKV3	
439	Lò Thị Linh	2011	8A4	Thái	DTKV3	
440	Lò Thị Nga	2011	8A4	Thái	DTKV3	
441	Lường Kim Ngân	2011	8A4	Thái	DTKV3	
442	Tông Văn Anh Nghĩa	2011	8A4	Thái	DTKV3	
443	Lò Mạnh Quân	2011	8A4	Thái	DTKV3	
444	Lò Cà Minh Quang	2011	8A4	Thái	DTKV3	
445	Lò Như Quỳnh	2011	8A4	Thái	DTKV3	
446	Lường Hoàng Thái	2011	8A4	Thái	DTKV3	
447	Lò Thị Thư	2011	8A4	Thái	DTKV3	
448	Lò Thị Thu Thủy	2011	8A4	Thái	DTKV3	
449	Lò Thị Loan Trang	2011	8A4	Thái	DTKV3	
450	Lò Thị Trang	2011	8A4	Thái	DTKV3	
451	Tông Minh Trường	2011	8A4	Thái	DTKV3	
452	Quảng Văn Văn	2011	8A4	Thái	DTKV3	
453	Lường Thị Hồng Yến	2011	8A4	Thái	DTKV3	
454	Lò Việt Hưng	2010	9A1	Thái	DTKV3	
455	Tông Văn Đạt	2010	9A1	Thái	DTKV3	
456	Quảng Thị Thu Huyền	2010	9A1	Thái	DTKV3	
457	Lường Hoàng Anh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
458	Tông Thị Kim Anh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
459	Quảng Thị Hân	2010	9A1	Thái	DTKV3	
460	Lò Việt Anh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
461	Quảng Thị Lan Anh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
462	Lường Văn Tùng	2010	9A1	Thái	DTKV3	
463	Lò Văn Hà	2010	9A1	Thái	DTKV3	
464	Lò Huy Hiệp	2010	9A1	Thái	DTKV3	
465	Lò Minh Huy	2010	9A1	Thái	DTKV3	
466	Lò Văn Huy	2010	9A1	Thái	DTKV3	
467	Lò Thị Nhi Lệ	2010	9A1	Thái	DTKV3	
468	Vì Thị Ánh Nguyệt	2010	9A1	Thái	DTKV3	
469	Lò Thị Nhung	2010	9A1	Thái	DTKV3	
470	Lò Bảo Quân	2010	9A1	Thái	DTKV3	
471	Tông Thị Thanh Thủy	2010	9A1	Thái	DTKV3	
472	Cà Văn Tiến	2010	9A1	Thái	DTKV3	
473	Quảng Thị Kim Chi	2010	9A1	Thái	DTKV3	
474	Quảng Văn Duy	2010	9A1	Thái	DTKV3	
475	Lường Minh Thông	2010	9A1	Thái	DTKV3	
476	Cà Thị Lan	2010	9A2	Thái	DTKV3	
477	Quảng Thị Thủy Nga	2010	9A2	Thái	DTKV3	
478	Lường Văn Tùng	2010	9A2	Thái	DTKV3	
479	Quảng Thị Thảo	2010	9A2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
480	Lường Thị Thanh Hậu	2010	9A2	Thái	DTKV3	
481	Cà Thị Xuân	2010	9A2	Thái	DTKV3	
482	Lường Thị Thúy	2010	9A2	Thái	DTKV3	
483	Tòng Thanh Thảo	2010	9A2	Thái	DTKV3	
484	Lò Văn Châm	2010	9A2	Thái	DTKV3	
485	Cà Thị Điệp	2010	9A2	Thái	DTKV3	
486	Lường Minh Đức	2010	9A2	Thái	DTKV3	
487	Lò Huy Hoàng	2010	9A2	Thái	DTKV3	
488	Tòng Văn Hoàng	2010	9A2	Thái	DTKV3	
489	Quảng Thị Thanh Huyền	2010	9A2	Thái	DTKV3	
490	Lò Thị Hà Lan	2010	9A2	Thái	DTKV3	
491	Quảng Đức Mạnh	2010	9A2	Thái	DTKV3	
492	Lò Mạnh Nghĩa	2010	9A2	Thái	DTKV3	
493	Lò Thị Bích Phương	2010	9A2	Thái	DTKV3	
494	Lò Mạnh Quân	2010	9A2	Thái	DTKV3	
495	Lường Ngọc Quyền	2010	9A2	Thái	DTKV3	
496	Lường Văn Quyền	2010	9A2	Thái	DTKV3	
497	Lò Văn Thành	2010	9A2	Thái	DTKV3	
498	Cà Thị Hồng Vân	2010	9A2	Thái	DTKV3	
499	Lường Chiến Hữu	2010	9A3	Thái	DTKV3	
500	Cà Thị Mai Lan	2010	9A3	Thái	DTKV3	
501	Lường Thị Yến Nhi	2010	9A3	Thái	DTKV3	
502	Cà Xuân Thịnh	2010	9A3	Thái	DTKV3	
503	Quảng Thị Bảo Trang	2010	9A3	Thái	DTKV3	
504	Cà Bảo Việt	2010	9A3	Thái	DTKV3	
505	Cà Thị Hồng Sim	2010	9A3	Thái	DTKV3	
506	Lường Thị Hân	2010	9A3	Thái	DTKV3	
507	Lường Việt Anh	2010	9A3	Thái	DTKV3	
508	Quảng Thị Quỳnh Duyên	2010	9A3	Thái	DTKV3	
509	Lường Thị Hà	2010	9A3	Thái	DTKV3	
510	Lò Huy Hoàng	2010	9A3	Thái	DTKV3	
511	Lò Thị Thanh Huyền	2010	9A3	Thái	DTKV3	
512	Cà Văn Hưng	2010	9A3	Thái	DTKV3	
513	Tòng Văn Khoa	2010	9A3	Thái	DTKV3	
514	Lò Văn Khôi	2010	9A3	Thái	DTKV3	
515	Lò Văn Nam	2010	9A3	Thái	DTKV3	
516	Lò Thị Tuyết Nga	2010	9A3	Thái	DTKV3	
517	Tòng Trung Nghĩa	2010	9A3	Thái	DTKV3	
518	Tòng Văn Quân	2010	9A3	Thái	DTKV3	
519	Lường Thái Sơn	2010	9A3	Thái	DTKV3	
520	Lò Thị Lệ Thủy	2010	9A3	Thái	DTKV3	
521	Tòng Thị Duyên	2010	9A3	Thái	DTKV3	
522	Lường Văn Ly	2010	9A4	Thái	DTKV3	
523	Quảng Văn Cường	2010	9A4	Thái	DTKV3	
524	Tòng Mạnh Cường	2010	9A4	Thái	DTKV3	
525	Lò Thanh Điệp	2010	9A4	Thái	DTKV3	
526	Lò Thị Hải	2010	9A4	Thái	DTKV3	
527	Lường Văn Lợi	2010	9A4	Thái	DTKV3	
528	Lò Thủy Nguyệt Ly	2010	9A4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
529	Lò Duy Mạnh	2010	9A4	Thái	DTKV3	
530	Lường Yến Nhi	2010	9A4	Thái	DTKV3	
531	Lò Thị Kim Oanh	2010	9A4	Thái	DTKV3	
532	Lò Ngọc Quý	2010	9A4	Thái	DTKV3	
533	Bạc Cẩm Sơn	2010	9A4	Thái	DTKV3	
534	Lò Đức Trọng	2010	9A4	Thái	DTKV3	
535	Lường Thị Ngọc Yến	2010	9A4	Thái	DTKV3	
536	Tòng Thị Hải Yến	2010	9A4	Thái	DTKV3	
537	Quảng Thái Hoàng	2010	9A4	Thái	DTKV3	
538	Cà Thị Tươi	2010	9A4	Thái	DTKV3	
539	Tòng Văn Đạt	2010	9A4	Thái	DTKV3	
540	Giàng Thị Kim Ngọc	2010	9A4	Thái	DTKV3	
541	Lò Văn Quyết	2010	9A4	Thái	DTKV3	
542	Lò Văn Đức	2010	9A4	Thái	DTKV3	
543	Lò Văn Khánh	2010	9A4	Thái	DTKV3	
544	Lò Văn Điệp	2009	10A1	Thái	DTKV3	
545	Lường Thị Ngân	2009	10A1	Thái	DTKV3	
546	Lò Thị Vân Anh	2009	10A1	Thái	DTKV3	
547	Quảng Thị Chi	2008	10A1	Thái	DTKV3	
548	Lường Thị Diệp	2009	10A1	Thái	DTKV3	
549	Lò Thị Duyên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
550	Lò Thị Hà	2009	10A1	Thái	DTKV3	
551	Cà Thị Mỹ Lệ	2009	10A1	Thái	DTKV3	
552	Tòng Duy Mạnh	2009	10A1	Thái	DTKV3	
553	Lường Thị Ngọc Na	2009	10A1	Thái	DTKV3	
554	Quảng Thị Ngoan	2009	10A1	Thái	DTKV3	
555	Lò Thị Nguyên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
556	Lò Xuân Nguyễn	2009	10A1	Thái	DTKV3	
557	Lò Dung Nguyệt	2009	10A1	Thái	DTKV3	
558	Lò Thị Nhi	2009	10A1	Thái	DTKV3	
559	Phạm Xuân Thành	2009	10A1	Thái	DTKV3	
560	Lò Thị Thảo	2009	10A1	Thái	DTKV3	
561	Lò Văn Thương	2009	10A1	Thái	DTKV3	
562	Lò Thị Thanh Thủy	2009	10A1	Thái	DTKV3	
563	Lò Thị Thùy	2009	10A1	Thái	DTKV3	
564	Tòng Văn Tiên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
565	Lò Thị Phương Trâm	2009	10A1	Thái	DTKV3	
566	Quảng Thế Duy	2009	10A2	Thái	DTKV3	
567	Lường Hải Huy	2009	10A2	Thái	DTKV3	
568	Lò Thị Thanh Huyền	2009	10A2	Thái	DTKV3	
569	Quảng Đức Kiên	2009	10A2	Thái	DTKV3	
570	Cà Thị Ngân	2009	10A2	Thái	DTKV3	
571	Lò Chung Nghiệp	2009	10A2	Thái	DTKV3	
572	Cà Thị Hằng	2009	10A2	Thái	DTKV3	
573	Quảng Hoàng Hiệp	2009	10A2	Thái	DTKV3	
574	Tòng Công Huy	2009	10A2	Thái	DTKV3	
575	Tòng Thị Nga	2009	10A2	Thái	DTKV3	
576	Tòng Đức Phương	2009	10A2	Thái	DTKV3	
577	Tòng Thị Mai Phương	2009	10A2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
578	Tùng Văn Quyển	2009	10A2	Thái	DTKV3	
579	Lò Xuân Quyển	2009	10A2	Thái	DTKV3	
580	Cà Văn Sơn	2009	10A2	Thái	DTKV3	
581	Lò Anh Tuấn	2009	10A2	Thái	DTKV3	
582	Lò Minh Quân	2009	10A3	Thái	DTKV3	
583	Lường Minh Quân	2009	10A3	Thái	DTKV3	
584	Cà Thị Phương	2009	10A3	Thái	DTKV3	
585	Lò Thị Thanh Thảo	2009	10A3	Thái	DTKV3	
586	Lường Xuân Trường	2009	10A3	Thái	DTKV3	
587	Cà Thị Hà Chi	2009	10A3	Thái	DTKV3	
588	Lò Thị Chúc	2009	10A3	Khơ mú	DTKV3	
589	Quảng Văn Chung	2009	10A3	Thái	DTKV3	
590	Tùng Việt Duy	2009	10A3	Thái	DTKV3	
591	Cà Thị Giang	2009	10A3	Thái	DTKV3	
592	Lò Văn Hiệu	2009	10A3	Thái	DTKV3	
593	Lò Thị Hoài	2009	10A3	Thái	DTKV3	
594	Bùi Thị Ngọc Huyền	2009	10A3	Mường	DTKV3	
595	Nguyễn Gia Mỹ	2009	10A3	Thái	DTKV3	
596	Lò Văn Nghiệp	2009	10A3	Thái	DTKV3	
597	Lò Thị Kim Ngọc	2009	10A3	Thái	DTKV3	
598	Lường Thị Ngọc	2009	10A3	Thái	DTKV3	
599	Lò Văn Nhất	2009	10A3	Thái	DTKV3	
600	Tùng Thị Yến Nhi	2009	10A3	Thái	DTKV3	
601	Lò Thị Như Quỳnh	2009	10A3	Thái	DTKV3	
602	Lường Thị Thu Quỳnh	2009	10A3	Thái	DTKV3	
603	Lò Thị Anh Thư	2009	10A3	Thái	DTKV3	
604	Tùng Thị Thẩm Tinh	2009	10A3	Thái	DTKV3	
605	Quảng Văn Tinh	2009	10A3	Thái	DTKV3	
606	Lường Văn Tuấn	2009	10A3	Thái	DTKV3	
607	Lò Thị Vân	2009	10A3	Thái	DTKV3	
608	Lường Thị Vui	2009	10A3	Thái	DTKV3	
609	Cà Minh Quyển	2009	10A4	Thái	DTKV3	
610	Cà Văn Tiên	2009	10A4	Thái	DTKV3	
611	Tùng Văn Toàn	2009	10A4	Thái	DTKV3	
612	Lò Việt Thành	2009	10A4	Thái	DTKV3	
613	Lò Thị Diệp	2008	11B1	Thái	DTKV3	
614	Lường Văn Đạt	2008	11B1	Thái	DTKV3	
615	Tùng Hải Đăng	2008	11B1	Thái	DTKV3	
616	Lường Văn Huy	2008	11B1	Thái	DTKV3	
617	Tùng Bảo Nam	2008	11B1	Thái	DTKV3	
618	Tùng Thị Nguyệt	2008	11B1	Thái	DTKV3	
619	Lò Thị Nhật	2008	11B1	Thái	DTKV3	
620	Tùng Thị Oanh	2008	11B1	Thái	DTKV3	
621	Lò Hải Quyết	2008	11B1	Thái	DTKV3	
622	Lò Thị Sinh	2008	11B1	Thái	DTKV3	
623	Lò Thị Tiệp	2008	11B1	Thái	DTKV3	
624	Cà Thị Thảo	2008	11B1	Thái	DTKV3	
625	Nguyễn Như Thảo	2008	11B1	Kinh	Thôn bản đặc biệt khó khăn KV3	
626	Tùng Thị Xuân	2008	11B1	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
627	Cà Ngọc Diệp	2008	11B2	Thái	DTKV3	
628	Lò Thị Dương	2008	11B2	Thái	DTKV3	
629	Quảng Văn Dương	2008	11B2	Thái	DTKV3	
630	Lường Văn Thức	2008	11B2	Thái	DTKV3	
631	Cà Thị Kiều Trâm	2008	11B2	Thái	DTKV3	
632	Lò Anh Việt	2008	11B2	Thái	DTKV3	
633	Lò Duy Luân	2008	11B2	Thái	DTKV3	
634	Tông Như Quỳnh	2008	11B2	Thái	DTKV3	
635	Tông Thị Mai	2008	11B2	Thái	DTKV3	
636	Lò Văn Đạt	2008	11B2	Thái	DTKV3	
637	Quảng Văn Kiên	2008	11B2	Thái	DTKV3	
638	Lường Văn Kiệt	2008	11B2	Thái	DTKV3	
639	Tông Văn Lâm	2008	11B2	Thái	DTKV3	
640	Lò Thị Mai	2008	11B2	Thái	DTKV3	
641	Lò Thị Nhung	2008	11B2	Thái	DTKV3	
642	Cà Thị Quân	2008	11B2	Thái	DTKV3	
643	Lường Tiến Thành	2008	11B2	Thái	DTKV3	
644	Lò Thị Minh Trang	2008	11B2	Thái	DTKV3	
645	Lò Thị Trang	2008	11B2	Thái	DTKV3	
646	Lò Xuân Việt	2007	11B3	Thái	DTKV3	
647	Lò Văn Nghiệp	2008	11B3	Thái	DTKV3	
648	Quảng Thị Na	2008	11B3	Thái	DTKV3	
649	Lường Văn Đông	2008	11B3	Thái	DTKV3	
650	Quảng Ngọc Anh	2008	11B3	Thái	DTKV3	
651	Lò Chu Thế Đạt	2008	11B3	Thái	DTKV3	
652	Lường Hồng Đức	2008	11B3	Thái	DTKV3	
653	Lò Thị Thu Hà	2008	11B3	Thái	DTKV3	
654	Lò Thị Thúy Ngân	2008	11B3	Thái	DTKV3	
655	Lò Thị Yến Nhi	2008	11B3	Thái	DTKV3	
656	Lò Minh Quang	2008	11B3	Thái	DTKV3	
657	Quảng Thị Sao	2008	11B3	Thái	DTKV3	
658	Lò Thị Thảo	2008	11B3	Thái	DTKV3	
659	Lò Thị Vân	2008	11B3	Thái	DTKV3	
660	Tông Thị Xuân	2008	11B3	Thái	DTKV3	
661	Tông Thị Mai Hồng	2008	11B3	Thái	DTKV3	
662	Lò Văn Khoa	2008	11B3	Thái	DTKV3	
663	Lò Thị Lan	2008	11B3	Thái	DTKV3	
664	Quảng Việt Lâm	2008	11B3	Thái	DTKV3	
665	Lò Duy Mạnh	2008	11B3	Thái	DTKV3	
666	Lò Thế Hà	2008	11B4	Thái	DTKV3	
667	Lường Thị Kim Lệ	2008	11B4	Thái	DTKV3	
668	Cà Văn Mạnh	2008	11B4	Thái	DTKV3	
669	Lò Văn Duy	2008	11B4	Thái	DTKV3	
670	Quảng Văn Hào	2008	11B4	Thái	DTKV3	
671	Tông Văn Nghiệp	2008	11B4	Thái	DTKV3	
672	Tông Thị Thu Phương	2008	11B4	Thái	DTKV3	
673	Tông Anh Tuấn	2008	11B4	Thái	DTKV3	
674	Lò Thị Thanh	2008	11B4	Thái	DTKV3	
675	Tông Văn Cường	2008	11B4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
676	Lò Thị Nhung	2008	11B4	Thái	DTKV3	
677	Lò Văn Cường	2008	11B4	Thái	DTKV3	
678	Lò Văn Nam	2008	11B4	Thái	DTKV3	
679	Lò Thị Hằng	2008	11B4	Thái	DTKV3	
680	Tòng Văn Luân	2008	11B4	Thái	DTKV3	
681	Tòng Văn Huy	2008	11B4	Thái	DTKV3	
682	Lường Văn Nguyên	2008	11B4	Thái	DTKV3	
683	Lò Văn Lượng	2007	12C1	Thái	DTKV3	
684	Lò Văn Nam	2007	12C1	Thái	DTKV3	
685	Lò Văn Diêm	2007	12C1	Thái	DTKV3	
686	Lò Văn Long	2007	12C1	Thái	DTKV3	
687	Lường Thị Huệ	2007	12C1	Thái	DTKV3	
688	Lò Văn Thế	2007	12C1	Thái	DTKV3	
689	Tòng Thị Phương Anh	2007	12C1	Thái	DTKV3	
690	Quảng Văn Chung	2007	12C1	Thái	DTKV3	
691	Lường Thị Duyên	2007	12C1	Thái	DTKV3	
692	Quảng Thị Hợi	2007	12C1	Thái	DTKV3	
693	Tòng Thị Lệ	2007	12C1	Thái	DTKV3	
694	Lò Văn Phong	2007	12C1	Thái	DTKV3	
695	Lò Văn Quỳnh	2007	12C1	Thái	DTKV3	
696	Lò Văn Trung	2007	12C1	Thái	DTKV3	
697	Quảng Văn Tuấn	2007	12C1	Thái	DTKV3	
698	Lò Thái Vui	2007	12C1	Thái	DTKV3	
699	Lò Văn Thông	2007	12C1	Thái	DTKV3	
700	Lò Văn Thu	2007	12C1	Thái	DTKV3	
701	Cà Thị Anh	2007	12C2	Thái	DTKV3	
702	Lò Thị Chang	2007	12C2	HMông	DTKV3	
703	Quảng Thị Châm	2007	12C2	HMông	DTKV3	
704	Tòng Thị Quỳnh Chi	2007	12C2	Thái	DTKV3	
705	Cà Thị Chuyên	2007	12C2	Thái	DTKV3	
706	Lò Văn Hải	2007	12C2	Thái	DTKV3	
707	Lò Văn Hoàng	2007	12C2	Thái	DTKV3	
708	Quảng Văn Hoàng	2007	12C2	Thái	DTKV3	
709	Lò Văn Huy	2007	12C2	Thái	DTKV3	
710	Lò Quốc Khánh	2007	12C2	Thái	DTKV3	
711	Tòng Đại Khương	2007	12C2	Thái	DTKV3	
712	Lò Thị Kim	2007	12C2	Thái	DTKV3	
713	Tòng Văn Luyện	2007	12C2	Thái	DTKV3	
714	Cà Văn Mạnh	2007	12C2	Thái	DTKV3	
715	Lò Thị Nga	2007	12C2	Thái	DTKV3	
716	Lò Văn Nhất	2007	12C2	Thái	DTKV3	
717	Lò Văn Phong	2007	12C2	Thái	DTKV3	
718	Lò Xuân Quỳnh	2007	12C2	Thái	DTKV3	
719	Quảng Văn Tâm	2007	12C2	Thái	DTKV3	
720	Lò Văn Thảo	2007	12C2	Thái	DTKV3	
721	Lò Văn Nguyên	2007	12C2	Thái	DTKV3	
722	Lò Văn Thắng	2007	12C2	Thái	DTKV3	
723	Tòng Anh Việt	2007	12C2	Thái	DTKV3	
724	Lò Đức Hải	2007	12C2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
725	Lò Văn Kim	2007	12C2	Thái	DTKV3	
726	Lò Văn Tùng	2007	12C2	Thái	DTKV3	
727	Lò Thị Thanh Xuân	2007	12C2	Thái	DTKV3	
728	Lường Thị Anh	2007	12C3	Thái	DTKV3	
729	Quàng Mai Chi	2007	12C3	Thái	DTKV3	
730	Lò Văn Duy	2007	12C3	Thái	DTKV3	
731	Lò Văn Hà	2007	12C3	Thái	DTKV3	
732	Lường Thị Hà	2007	12C3	Thái	DTKV3	
733	Lường Văn Hiệu	2007	12C3	Khơ-mú	DTKV3	
734	Quàng Mai Huệ	2007	12C3	Thái	DTKV3	
735	Cà Thị Lan	2007	12C3	Thái	DTKV3	
736	Lường Văn Liêm	2007	12C3	Thái	DTKV3	
737	Tông Thị Kim Loan	2007	12C3	Thái	DTKV3	
738	Cà Văn Long	2007	12C3	Thái	DTKV3	
739	Lường Thị Na	2007	12C3	Thái	DTKV3	
740	Lò Văn Nam	2007	12C3	Thái	DTKV3	
741	Lò Thị Nga	2007	12C3	Thái	DTKV3	
742	Tông Văn Ngân	2007	12C3	Thái	DTKV3	
743	Quàng Văn Nghiệp	2007	12C3	Thái	DTKV3	
744	Lò Anh Ngọc	2007	12C3	Thái	DTKV3	
745	Lò Thị Ngọc	2007	12C3	Thái	DTKV3	
746	Lò Thị Quý	2007	12C3	Thái	DTKV3	
747	Tông Văn Quyền	2007	12C3	Thái	DTKV3	
748	Lường Minh Thân	2007	12C3	Thái	DTKV3	
749	Cà Thị Thảo	2007	12C3	Thái	DTKV3	
750	Lường Thị Tình	2007	12C3	Thái	DTKV3	
751	Cà Thị Trang	2007	12C3	Thái	DTKV3	
752	Tông Thị Kiều Trang	2007	12C3	Thái	DTKV3	
753	Tông Văn Trường	2007	12C3	Thái	DTKV3	
754	Lò Thị Ánh Tuyết	2007	12C3	Thái	DTKV3	
755	Lường Thị Tuyết	2007	12C3	Thái	DTKV3	
756	Quàng Duy Mạnh	2007	12C4	Thái	DTKV3	
757	Cà Văn Hoàng	2007	12C4	Thái	DTKV3	
758	Quàng Văn Tâm	2007	12C4	Thái	DTKV3	
759	Lò Hương Giang	2007	12C4	Thái	DTKV3	
760	Cà Thị Thu Hằng	2007	12C4	Thái	DTKV3	
761	Lường Thị Huệ	2007	12C4	Thái	DTKV3	
762	Lường Thị Hà	2007	12C4	Thái	DTKV3	
763	Lường Thị Diễm Quỳnh	2007	12C4	Thái	DTKV3	
764	Quàng Thị Tuyết	2007	12C4	Thái	DTKV3	
765	Lò Thị Uyên	2007	12C4	Thái	DTKV3	
766	Lò Văn Chung	2007	12C4	Thái	DTKV3	
767	Lò Thị Đào	2007	12C4	Thái	DTKV3	
768	Lò Thị Mai	2007	12C4	Thái	DTKV3	
769	Quàng Thị Nguyệt	2007	12C4	Thái	DTKV3	
770	Lò Thị Kim Thơ	2007	12C4	Thái	DTKV3	
771	Cà Văn Đại	2007	12C4	Thái	DTKV3	
772	Lò Thị Hằng	2007	12C4	Thái	DTKV3	
773	Quàng Thị Hằng	2007	12C4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
774	Tông Thị Quyên	2007	12C4	Thái	DTKV3	
775	Lò Thị Xa	2007	12C4	Thái	DTKV3	
776	Lò Thị Hương	2013	6A1	Thái	DTKV3	
777	Quàng Xuân Tiến	2013	6A1	Thái	DTKV3	
778	Quàng Khôi Nguyên	2013	6A2	Thái	DTKV3	
779	Quàng Thị Vân Nhi	2013	6A2	Thái	DTKV3	
780	Lò Mạnh Tùng	2013	6A2	Thái	DTKV3	
781	Vàng A Chua	2013	6A2	HMông	DTKV3	
782	Lò Tuấn Kiệt	2013	6A3	Thái	DTKV3	
783	Cà Thị Thanh Mai	2013	6A3	Thái	DTKV3	
784	Lò Ngọc Tùng	2013	6A4	Thái	DTKV3	
785	Lò Văn Viện	2012	7A1	Khơ mú	DTKV3	
786	Lò Thị Nguyệt	2012	7A1	Thái	DTKV3	
787	Quàng Khánh Phương	2012	7A1	Thái	DTKV3	
788	Lò Minh Chí	2012	7A1	Khơ mú	DTKV3	
789	Lò Văn Quân	2012	7A2	Thái	DTKV3	
790	Quàng Thị Danh	2012	7A4	Thái	DTKV3	
791	Lường Đức Mạnh	2012	7A4	Thái	DTKV3	
792	Tông Thị Ly	2012	7A5	Thái	DTKV3	
793	Lường Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTKV3	
794	Lò Gia Bảo	2012	7A5	Thái	DTKV3	
795	Lường Nhã Uyên	2011	8A1	Thái	DTKV3	
796	Lò Thị Minh Tuyết	2011	8A2	Thái	DTKV3	
797	Lò Văn Sơn	2011	8A3	Thái	DTKV3	
798	Lò Văn Máy	2011	8A4	Thái	DTKV3	
799	Vàng A Lu	2011	8A4	HMông	DTKV3	
800	Cà Thị Phượng	2011	8A4	Thái	DTKV3	
801	Quàng Văn Mạnh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
802	Lầu A Dính	2010	9A3	HMông	DTKV3	
803	Quàng Đức Duy	2010	9A3	Thái	DTKV3	
804	Lò Thị Hường	2010	9A3	Thái	DTKV3	
805	Tông Thanh Thủy	2009	9A3	Thái	DTKV3	
806	Lò Thị Thiết	2010	9A4	Kháng	DTKV3	
807	Lò Ngọc Thủy	2010	9A4	Khơ Mú	DTKV3	
808	Lò Thị Hoài Linh	2010	9A4	Thái	DTKV3	
809	Lường Thị Cấn	2009	10A1	Thái	DTKV3	
810	Quàng Việt Hà	2009	10A1	Thái	DTKV3	
811	Lù Thị Hồng	2009	10A1	Thái	DTKV3	
812	Lò Văn Khiên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
813	Lường Văn Mạnh	2009	10A1	Thái	DTKV3	
814	Lò Thị Nguyên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
815	Lò Thị Quyên	2009	10A1	Thái	DTKV3	
816	Mùa Tiến Định	2009	10A2	HMông	DTKV3	
817	Lường Văn Dung	2009	10A2	Thái	DTKV3	
818	Lường Thị Thu Hoài	2009	10A2	Thái	DTKV3	
819	Lò Văn Hoàng	2009	10A2	Thái	DTKV3	
820	Lò Văn Hưng	2009	10A2	Thái	DTKV3	
821	Cà Văn Kiên	2009	10A2	Thái	DTKV3	
822	Quàng Văn Phương	2009	10A2	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
823	Lò Văn Quân	2009	10A2	Thái	DTKV3	
824	Quảng Mạnh Quỳnh	2009	10A2	Thái	DTKV3	
825	Vàng Hùng Sơn	2009	10A2	HMông	DTKV3	
826	Vàng Thị Trang	2009	10A2	HMông	DTKV3	
827	Vừ Thị Nhung	2009	10A2	HMông	DTKV3	
828	Lường Thị Duyên	2009	10A3	Thái	DTKV3	
829	Lường Văn Lợi	2009	10A3	Thái	DTKV3	
830	Lâu Thị Phương	2009	10A3	HMông	DTKV3	
831	Lâu A Sinh	2009	10A3	HMông	DTKV3	
832	Cà Thị Lan Tâm	2009	10A3	Thái	DTKV3	
833	Lò Mạnh Tiến	2009	10A3	Thái	DTKV3	
834	Quảng Văn Hào	2009	10A4	Thái	DTKV3	
835	Lò Thị Hằng	2009	10A4	Thái	DTKV3	
836	Sùng Thị Hằng	2009	10A4	HMông	DTKV3	
837	Lò Văn Huy	2009	10A4	Thái	DTKV3	
838	Lò Thị Nga	2009	10A4	Thái	DTKV3	
839	Lò Văn Nghĩa	2009	10A4	Thái	DTKV3	
840	Lường Thị Phương Nhi	2009	10A4	Thái	DTKV3	
841	Lò Kiều Oanh	2009	10A4	Thái	DTKV3	
842	Lò Thị Phương	2009	10A4	Thái	DTKV3	
843	Lò Văn Quyền	2009	10A4	Thái	DTKV3	
844	Sùng A Thanh	2009	10A4	HMông	DTKV3	
845	Quảng Văn Trường	2009	10A4	Thái	DTKV3	
846	Vàng Thị Vi	2009	10A4	HMông	DTKV3	
847	Cà Văn Việt	2009	10A4	Thái	DTKV3	
848	Lò Thế Vinh	2009	10A4	Thái	DTKV3	
849	Quảng Văn Chiến	2008	11B1	Thái	DTKV3	
850	Hờ A Chứ	2008	11B1	HMông	DTKV3	
851	Lò Thị Cương	2008	11B1	Thái	DTKV3	
852	Hờ Thị Dợ	2008	11B1	HMông	DTKV3	
853	Mùa A Hồ	2008	11B1	HMông	DTKV3	
854	Giảng A Khậy	2008	11B1	HMông	DTKV3	
855	Cà Thị Thiệp	2008	11B1	Thái	DTKV3	
856	Lâu Đức Thùy	2008	11B1	HMông	DTKV3	
857	Lường Văn Trường	2008	11B1	Thái	DTKV3	
858	Vàng A Vui	2008	11B1	HMông	DTKV3	
859	Lường Văn Doan	2008	11B1	Thái	DTKV3	
860	Quảng Khánh Duy	2008	11B1	Thái	DTKV3	
861	Lò Thị Khánh Ly	2008	11B1	Thái	DTKV3	
862	Cà Thị Huyền Ngọc	2008	11B1	Thái	DTKV3	
863	Quảng Thị Yên Nhi	2008	11B1	Thái	DTKV3	
864	Lường Văn Phương	2008	11B1	Thái	DTKV3	
865	Lò Thị Hân	2008	11B1	Thái	DTKV3	
866	Thào Thị Xa Ly	2007	11B1	HMông	DTKV3	
867	Cà Văn Hành	2008	11B2	Thái	DTKV3	
868	Sùng Bích Thùy	2008	11B2	HMông	DTKV3	
869	Lường Thị Thùy Trang	2008	11B2	Thái	DTKV3	
870	Vàng Thái Bình	2008	11B2	HMông	DTKV3	
871	Mùa A Dề	2008	11B2	HMông	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú	
872	Quàng Văn Quyết	2008	11B2	Thái	DTKV3		
873	Lò Văn Thắng	2008	11B2	Thái	DTKV3		
874	Lò Văn Tinh	2007	11B2	Thái	DTKV3		
875	Lường Thị Quỳnh	2008	11B2	Thái	DTKV3		
876	Lường Thị Thiết	2008	11B2	Thái	DTKV3		
877	Quàng Văn Nghiệp	2008	11B3	Thái	DTKV3		
878	Sùng A Đà	2008	11B3	Thái	DTKV3		
879	Mùa A Vàng	2008	11B3	Thái	DTKV3		
880	Mùa Thị Bày	2008	11B3	Thái	DTKV3		
881	Giàng Thị Trắng	2008	11B3	Thái	DTKV3		
882	Lò Minh Quân	2008	11B3	Thái	DTKV3		
883	Lường Văn Bình	2008	11B3	Thái	DTKV3		
884	Tông Thị Thúy	2008	11B3	Thái	DTKV3		
885	Lường Văn Hưng	2008	11B3	Thái	DTKV3		
886	Mùa Anh Súa	2008	11B3	Thái	DTKV3		
887	Lò Thị Hương	2008	11B3	Thái	DTKV3		
888	Vàng Thu Hà	2008	11B4	HMông	DTKV3		
889	Lường Thị Hường	2008	11B4	Thái	DTKV3		
890	Giàng Thị Chuyên	2008	11B4	HMông	DTKV3		
891	Quàng Văn Duy Quang	2008	11B4	Kháng	DTKV3		
892	Lường Văn Nguyên	2008	11B4	Thái	DTKV3		
893	Lường Thị Ngọc	2008	11B4	Thái	DTKV3		
894	Lò Thị Hồng Loan	2008	11B4	Thái	DTKV3		
895	Giàng A Lan	2008	11B4	HMông	DTKV3		
896	Lò Văn Vũ	2008	11B4	Thái	DTKV3		
897	Chá Chung Đại	2007	12C1	HMông	DTKV3		
898	Hờ A Ký	2007	12C1	HMông	DTKV3		
899	Lò Văn Nam	2007	12C1	Thái	DTKV3		
900	Quàng Văn Thùy	2007	12C1	Thái	DTKV3		
901	Tông Văn Hiệp	2007	12C1	Thái	DTKV3		
902	Sùng A Thái	2007	12C1	HMông	DTKV3		
903	Lò Thị Văn	2007	12C1	Thái	DTKV3		
904	Quàng Văn Thùy	2007	12C1	Thái	DTKV3		
905	Lò Thị Nga	2007	12C1	Thái	DTKV3		
906	Lường Thị Ngân	2007	12C2	Thái	DTKV3		
907	Mùa A Sùng	2007	12C2	Thái	DTKV3		
908	Mùa A Sự	2007	12C2	Thái	DTKV3		
909	Lò Thị Thắm	2007	12C2	Thái	DTKV3		
910	Lò Thị Mừng	2007	12C3	Thái	DTKV3		
911	Mùa A Lầu	2007	12C3	HMông	DTKV3		
912	Lò Thị Thảo	2007	12C3	Thái	DTKV3		
913	Lò Thị Hoàng Hải Yến	2007	12C3	Thái	DTKV3		
914	Lường Thị Phượng	2007	12C3	Thái	DTKV3		
915	Lầu A Phú	2007	12C4	HMông	DTKV3		
916	Lường Diệu Thương	2007	12C4	Thái	DTKV3		
II	Số học sinh đã được hưởng chính sách học kỳ I năm học 2024-2025, học kỳ II thoát nghèo thường trú tại thôn, bản, xã đặc biệt khó khăn (KV3)					99	
I	Lường Thị Bảo Châm	2013	6A1	Thái	DTKV3		

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
2	Quảng Thanh Đông	2013	6A1	Thái	DTKV3	
3	Lường Văn Nam	2013	6A1	Thái	DTKV3	
4	Lò Thị Hồng Ngọc	2013	6A1	Thái	DTKV3	
5	Lò Thị Bích Hằng	2013	6A2	Thái	DTKV3	
6	Lò Văn Tiệp	2013	6A3	Thái	DTKV3	
7	Lò Việt Đức	2013	6A3	Thái	DTKV3	
8	Lường Thị Yến	2013	6A4	Thái	DTKV3	
9	Lường Hoài Nam	2012	7A1	Thái	DTKV3	
10	Lò Thị Phương	2012	7A1	Thái	DTKV3	
11	Quảng Văn Tuyên	2012	7A1	Thái	DTKV3	
12	Tòng Thị Chi	2012	7A2	Thái	DTKV3	
13	Tòng Văn Hoàng	2012	7A2	Thái	DTKV3	
14	Lò Chí Khoa	2012	7A2	Thái	DTKV3	
15	Lò Văn Long	2012	7A2	Thái	DTKV3	
16	Tòng Mạnh Quyền	2012	7A2	Thái	DTKV3	
17	Lò Văn Sang	2012	7A3	Thái	DTKV3	
18	Lò Thị Bảo Châm	2012	7A4	Thái	DTKV3	
19	Lò Văn Quân	2012	7A4	Thái	DTKV3	
20	Lò Văn Quang	2012	7A4	Thái	DTKV3	
21	Tòng Anh Thư	2012	7A4	Thái	DTKV3	
22	Lường Văn Quyền	2011	8A2	Thái	DTKV3	
23	Quảng Văn Phong	2011	8A2	Khơ Mú	DTKV3	
24	Cà Thị Trâm	2011	8A2	Thái	DTKV3	
25	Lò Văn Vị	2011	8A3	Khơ Mú	DTKV3	
26	Lò Ngọc Hiền	2011	8A4	Thái	DTKV3	
27	Cà Thị Tuyết	2011	8A4	Thái	DTKV3	
28	Lò Thị Yên	2011	8A4	Thái	DTKV3	
29	Lò Văn Ánh	2010	9A1	Khơ Mú	DTKV3	
30	Quảng Thị Yến	2010	9A1	Thái	DTKV3	
31	Tòng Văn Quyền	2010	9A1	Thái	DTKV3	
32	Quảng Bảo Đạt	2010	9A1	Thái	DTKV3	
33	Lường Văn Quân	2010	9A1	Thái	DTKV3	
34	Cà Văn Hiến	2010	9A2	Thái	DTKV3	
35	Quảng Văn Hải	2010	9A2	Thái	DTKV3	
36	Lò Minh Duy	2010	9A2	Thái	DTKV3	
37	Lò Thị Quỳnh	2010	9A2	Thái	DTKV3	
38	Cà Văn Tâm	2010	9A2	Thái	DTKV3	
39	Lò Văn Phong	2010	9A3	Thái	DTKV3	
40	Lò Thúy Nga	2010	9A4	Thái	DTKV3	
41	Lường Thị Nga	2009	10A1	Thái	DTKV3	
42	Lường Thị Nguyệt	2009	10A1	Thái	DTKV3	
43	Lò Thị Thi	2009	10A1	Thái	DTKV3	
44	Quảng Việt Anh	2009	10A3	Thái	DTKV3	
45	Cà Văn Nam	2009	10A3	Thái	DTKV3	
46	Cà Thị Phương Thủy	2009	10A3	Thái	DTKV3	
47	Cà Thị Thủy Tiên	2009	10A3	Thái	DTKV3	
48	Tòng Thị Kiều	2009	10A4	Thái	DTKV3	
49	Lò Văn Mạnh	2009	10A4	Thái	DTKV3	
50	Lò Thị Xuân Quỳnh	2009	10A4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
51	Lường Thị Mai Quyên	2008	11B1	Thái	DTKV3	
52	Cà Việt Hoàng	2008	11B2	Thái	DTKV3	
53	Lò Văn Minh	2008	11B2	Thái	DTKV3	
54	Tòng Thị Lệ Quyên	2008	11B2	Thái	DTKV3	
55	Cà Thị Tân	2008	11B3	Thái	DTKV3	
56	Lò Văn Hoàng	2008	11B3	Thái	DTKV3	
57	Mùa Thị Cá	2008	11B4	HMông	DTKV3	
58	Lường Thị Dung	2008	11B4	Thái	DTKV3	
59	Lò Thanh Hoa	2008	11B4	Thái	DTKV3	
60	Mùa Thị So	2008	11B4	HMông	DTKV3	
61	Quảng Văn Dũng	2008	11B4	Thái	DTKV3	
62	Cà Văn Duy	2008	11B4	Thái	DTKV3	
63	Lò Thị Dung	2008	11B4	Thái	DTKV3	
64	Tòng Thị Giang	2008	11B4	Thái	DTKV3	
65	Mùa A Minh	2008	11B4	HMông	DTKV3	
66	Bạc Thị Huệ	2008	11B4	Thái	DTKV3	
67	Vừ A Dơ	2007	12C1	HMông	DTKV3	
68	Lường Văn Hào	2007	12C2	Thái	DTKV3	
69	Lò Thị Nguyệt	2007	12C4	Thái	DTKV3	
70	Lò Thị Hải	2007	12C4	Thái	DTKV3	
71	Lò Văn Hải	2013	6A1	Thái	DTKV3	
72	Lường Khánh Vân	2013	6A3	Thái	DTKV3	
73	Vàng Thị Bích Xuân	2012	7A1	HMông	DTKV3	
74	Đieu Thị Linh Lan	2012	7A1	Thái	DTKV3	
75	Lò Duy Mạnh	2011	8A1	Thái	DTKV3	
76	Tòng Thị Minh	2011	8A3	Thái	DTKV3	
77	Lò Thị Thoa	2011	8A3	Thái	DTKV3	
78	Vàng Trường Sơn	2011	8A4	HMông	DTKV3	
79	Bạc Cẩm Mạnh	2010	9A1	Thái	DTKV3	
80	Vàng A Cửa	2010	9A2	HMông	DTKV3	
81	Lò Thị Trang	2010	9A2	Thái	DTKV3	
82	Lò Đức Thắng	2009	10A1	Thái	DTKV3	
83	Lò Minh Khánh	2009	10A2	Thái	DTKV3	
84	Vàng Thái Phong	2009	10A2	HMông	DTKV3	
85	Lò Văn Đức	2009	10A2	Thái	DTKV3	
86	Lò Văn Tươi	2009	10A2	Thái	DTKV3	
87	Mùa A Đông	2009	10A4	HMông	DTKV3	
88	Vàng Thành Sùng	2009	10A4	HMông	DTKV3	
89	Sùng A Tú	2009	10A4	HMông	DTKV3	
90	Vàng A Sơn	2008	11B1	HMông	DTKV3	
91	Sùng A Tuấn	2008	11B1	HMông	DTKV3	
92	Lò Mạnh Cường	2008	11B2	Thái	DTKV3	
93	Quảng Thị Trang	2008	11B3	Thái	DTKV3	
94	Quảng Thị Thảo	2008	11B3	Thái	DTKV3	
95	Vàng A Đông	2007	12C2	Thái	DTKV3	
96	Cà Thị Ngọc Xuân	2007	12C2	Thái	DTKV3	
97	Lò Văn Nghĩa	2007	12C3	Thái	DTKV3	
98	Giàng A Sơn	2007	12C3	HMông	DTKV3	
99	Tòng Văn Cường	2007	12C4	Thái	DTKV3	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Ghi chú
III	Số học sinh (tăng mới đủ điều kiện hưởng chính sách học kỳ II)				7	
1	Lò Thị Thanh Huyền	2013	6A1	Khơ Mú	GD hộ nghèo	
2	Cà Thị My	2011	8A2	Thái	GD hộ nghèo	
3	Lò Văn Thiết	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo	
4	Cà Quốc Khánh	2013	6A2	Thái	GD hộ nghèo	
5	Lò Thị Liêm	2008	11B4	Thái	GD hộ nghèo	
6	Lò Thị Chi	2007	12C3	Khơ-mú	GD hộ nghèo	
7	Sùng Thị Mò	2008	11B1	HMông	GD hộ nghèo	

(Tổng danh sách có: 1022 em trong đó có: 15 em khuyết tật; 89 em hộ nghèo; 918 em thôn bản khó khăn khu vực 3)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**
(Kèm theo Thông báo số 1125 /TB-SGDĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Đối tượng miễn (học sinh)			Đối tượng giảm 70% (học sinh)			Đối tượng giảm 50% (học sinh)			Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	152	23	3.945	442	103	6.234	144	20	4	1	1	0	686,77	
	Cấp THPT	117	23	2.197	442	103	6.234	143	20	2	1	1	0	592,41	
	Cấp THCS	3	-	1.747	-	-	-	1	-	2	0	0	0	87,84	
1	Trung Tâm GD Hòa Nhập	32		1							0,040	0,030	0,025	6,525	
2	Trường THPT Mường Ảng	5	0	93	13	0	301	23	0	0	0,035	0,025	0,015	27,258	
3	Trường THPT Tuần Giáo	3	-	125			546	12			0,035	0,025	0,015	39,615	
4	Trường THPT Phan Đình Giót	4	2	75	44	-	203				0,035	0,025	0,015	22,623	
5	Trường THPT Mường Luân	-	-	81	-	-	391				0,035	0,025	0,015	26,603	
6	Trường THCS & THPT Quyết Tiến (THCS)	-	-	801	-	-	-				0,025	0,015	0,010	40,050	
	Trường THCS & THPT Quyết Tiến (THPT)	0	0	71	0	0	304				0,035	0,025	0,015	21,285	
7	Trường THPT Chà Cang	0	0	192	2	0	291				0,035	0,025	0,015	29,923	
8	Trường THPT huyện Tủa Chùa	0	15	61	0	31	279	0	18	0	0,035	0,025	0,015	24,935	
9	Trường THCS & THPT Tả Sin Thành (THCS)	0	0	349	0	0					0,025	0,015	0,010	17,450	
	Trường THCS & THPT Tả Sin Thành (THPT)			91			26				0,035	0,025	0,015	8,190	
10	Trường THPT huyện Mường Nhé	0	0	369	0	0	500				0,035	0,025	0,015	53,925	
11	Trường THPT Thanh Chăn	22	0	13	59	0	108	18			0,035	0,025	0,015	19,298	
12	Trường THPT huyện Điện Biên	32	0	0	154	1	17	46			0,035	0,025	0,015	29,470	
13	Trường THPT huyện Nậm Pồ	0	0	294	2	0	335				0,035	0,025	0,015	39,883	
14	Trường THCS & THPT Quài Tở (THCS)	0	0	580	0	0	0	0	0	2	0,025	0,015	0,010	29,050	
	Trường THCS & THPT Quài Tở (THPT)	0	0	54	0	0	386	0	0	2	0,035	0,025	0,015	24,390	
15	Trường THPT Trần Can	0	0	107	0	26	496				0,035	0,025	0,015	36,340	

STT	Nội dung	Đối tượng miễn (học sinh)			Đối tượng giảm 70% (học sinh)			Đối tượng giảm 50% (học sinh)			Mức thu học phí UBND tỉnh quyết định			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Ghi chú
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III		
16	Trường THPT Mường Nhà	0	4	45	10	26	280	0	1	0	0,035	0,025	0,015	22,138	
17	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1	0	0	2	0	13	1			0,035	0,025	0,015	1,190	
18	Trường THPT Nà Tấu TP Điện Biên	1	0	7	111	0	14	3			0,035	0,025	0,015	15,295	
19	Trường THPT Búng Lao	1	0	96	0	0	526	13			0,035	0,025	0,015	36,128	
20	Trường THPT Mường Chà	-	2	215	1	17	421	-	1	-	0,035	0,025	0,015	40,150	
21	Trường THPT TP Điện Biên Phủ	25	0	0	0	0	14	5			0,035	0,025	0,015	5,548	
22	Trường THPT Mùn Chung	0	0	95	0	0	349				0,035	0,025	0,015	25,448	
23	Trường THPT Lương Thế Vinh (THCS)	3	0	17	0			1			0,025	0,015	0,010	1,288	
	Trường THPT Lương Thế Vinh (THPT)	2	0	0	0	0	1	2			0,035	0,025	0,015	0,578	
24	Trường THPT TX Mường Lay	13	0	42	25	0	141	15			0,035	0,025	0,015	17,203	
25	Trường THPT Thanh Nưa	7	0	28	19	0	233	5			0,035	0,025	0,015	18,323	
26	Trung Tâm GDTX tỉnh	1	0	43	0	2	59				0,035	0,025	0,015	6,673	

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SGDĐT, ngày tháng 4 năm 2025 của Sở GDĐT)

Trường THCS THPT Quài Tờ

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ (thường trú thuộc khu vực)			Ghi chú
						I	II	III	
Tổng cộng								1.024	
A	Đối tượng miễn 100%							634	
I	Số học sinh đã được hưởng chính sách học kỳ I năm học 2024-2025, đủ điều kiện hưởng tiếp học kỳ II							627	
1	Lò Hà Phượng	2013	6A1	Thái	Khuyết tật động kinh			x	
2	Tòng Thế Ngọc	2013	6A1	Thái	Khuyết tật cảm giác bẩm sinh			x	
3	Sùng Ánh Sơn	2013	6A2	HMông	Khuyết tật Trí tuệ - nặng			x	
4	Lò Văn Quyền	2012	7A1	Thái	Khuyết tật vận động			x	
5	Lường Việt Ninh	2012	7A5	Thái	Khuyết tật Trí tuệ			x	
6	Vàng Thái Phong	2012	7A1	HMông	Khuyết tật tâm thần			x	
7	Lò Thị Thủy Linh	2012	7A3	Thái	Khuyết tật trí tuệ nặng			x	
8	Lường Hà Linh	2012	7A4	Thái	Khuyết tật			x	
9	Lò Thị Doan	2007	7A5	Thái	Khuyết tật			x	
10	Lò Thị Kim Cúc	2011	8A2	Thái	Khuyết tật Mắt			x	
11	Lò Văn Hưng	2010	9A1	Thái	Khuyết tật			x	
12	Tòng Minh Nguyệt	2008	11B3	Thái	Khuyết tật			x	
13	Cà Văn Thái	2008	11B4	Thái	Khuyết tật			x	
14	Vừ Thị Xuân	2008	11B4	HMông	Khuyết tật			x	
15	Cà Ngọc Khánh	2007	12C3	Thái	Khuyết tật			x	
16	Cà Bảo Chinh	2013	6A1	Thái	GD hộ nghèo			x	
17	Tòng Văn Cương	2013	6A1	Thái	GD hộ nghèo			x	
18	Lò Thị Thanh Liên	2013	6A2	Khơ Mú	GD hộ nghèo			x	
19	Lò Việt Trung	2013	6A2	Thái	GD hộ nghèo			x	
20	Cà Thị Lan Hương	2013	6A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
21	Lò Thanh Tú	2013	6A3	Khơ mú	GD hộ nghèo			x	
22	Lò Thị Khánh Linh	2013	6A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
23	Vàng Thị Mỹ	2013	6A4	HMông	GD hộ nghèo			x	
24	Quảng Văn Huy	2013	6A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
25	Lò Thị Dương	2012	7A1	Khơ mú	GD hộ nghèo			x	
26	Lò Văn Hiếu	2012	7A1	Khơ mú	GD hộ nghèo			x	
27	Cà Văn Công	2012	7A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
28	Lò Văn Hải	2012	7A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
29	Lường Quang Thắng	2012	7A3	Khơ Mú	GD hộ nghèo			x	
30	Quảng Thị Lệ Giang	2012	7A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
31	Lò Thị Lan Anh	2012	7A5	Thái	GD hộ nghèo			x	
32	Bạc Thị Ngân Hà	2012	7A5	Thái	GD hộ nghèo			x	
33	Lò Thị Huyền Trang	2012	7A5	Thái	GD hộ nghèo			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
34	Lương Thị Loan Nhi	2012	7A5	Thái	GD hộ nghèo			x	
35	Quảng Thành Đạt	2011	8A1	Thái	GD hộ nghèo			x	
36	Lù Xuân Ba	2011	8A1	Thái	GD hộ nghèo			x	
37	Lò Thị Huyền	2011	8A1	Khơ Mú	GD hộ nghèo			x	
38	Lò Văn Trung	2011	8A2	Thái	GD hộ nghèo			x	
39	Cà Thị Thanh Thúy	2011	8A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
40	Lò Minh Quân	2011	8A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
41	Lò Thị Tuệ	2011	8A3	Khơ Mú	GD hộ nghèo			x	
42	Cà Thị Yến Nhi	2011	8A3	Thái	GD hộ nghèo			x	
43	Lò Thị Hoa	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
44	Lò Chí Quân	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
45	Vàng Thị Dứa	2011	8A4	HMông	GD hộ nghèo			x	
46	Lò Thị Hòa	2010	9A2	Thái	GD hộ nghèo			x	
47	Lò Văn Hồng	2010	9A2	Thái	GD hộ nghèo			x	
48	Lò Trương Huy	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
49	Lò Văn Sơn	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
50	Lò Văn Duy	2010	9A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
51	Mùa A Xích	2009	10A1	HMông	GD hộ nghèo			x	
52	Lò Văn Dương	2009	10A2	Kháng	GD hộ nghèo			x	
53	Mùa A Lữ	2009	10A2	HMông	GD hộ nghèo			x	
54	Mùa A Thái	2009	10A2	HMông	GD hộ nghèo			x	
55	Lò Văn Trường	2009	10A2	Thái	GD hộ nghèo			x	
56	Lò Văn Thanh	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
57	Quảng Thị An	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
58	Lò Việt Hà	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
59	Lương Văn Hào	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
60	Lò Thị Kim Ngân	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
61	Sùng Thị Nhuận	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo			x	
62	Lâu Thái Sơn	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo			x	
63	Cà Văn Thông	2009	10A4	Thái	GD hộ nghèo			x	
64	Thào Thị Vân	2009	10A4	HMông	GD hộ nghèo			x	
65	Giàng A Dũng	2008	11B1	HMông	GD hộ nghèo			x	
66	Lương Thị Nga	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo			x	
67	Lò Thị Ninh	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo			x	
68	Giàng A Tiến	2008	11B1	HMông	GD hộ nghèo			x	
69	Lò Việt Vũ	2008	11B1	Thái	GD hộ nghèo			x	
70	Giàng Thị Chu	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo			x	
71	Giàng A Minh	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo			x	
72	Lò Văn Nguyên	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo			x	
73	Lò Văn Thương	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo			x	
74	Lò Văn Trường	2008	11B2	Thái	GD hộ nghèo			x	
75	Ly A Súa	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo			x	
76	Lâu A Vàng	2008	11B2	HMông	GD hộ nghèo			x	
77	Bạc Thị Hiền	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
78	Lò Văn Hùng	2007	11B3	Thái	GD hộ nghèo			x	
79	Lường Văn Minh	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo			x	
80	Bạc Cẩm Nam	2008	11B3	Thái	GD hộ nghèo			x	
81	Mùa Cá Ly	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo			x	
82	Giàng Thị Sĩa	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo			x	
83	Vũ Thái Tuấn	2008	11B4	HMông	GD hộ nghèo			x	
84	Lò Văn Sơn	2008	11B4	Thái	GD hộ nghèo			x	
85	Lò Văn Tiến	2007	12C1	Thái	GD hộ nghèo			x	
86	Lò Văn Mừng	2007	12C1	HMông	GD hộ nghèo			x	
87	Mùa Thị Diệu Linh	2007	12C1	Thái	GD hộ nghèo			x	
88	Lò Văn Huy	2007	12C1	HMông	GD hộ nghèo			x	
89	Lường Thị Nga	2007	12C2	Thái	GD hộ nghèo			x	
90	Lường Thị Thoa	2007	12C2	Thái	GD hộ nghèo			x	
91	Mùa Thị Nhia	2007	12C3	HMông	GD hộ nghèo			x	
92	Quảng Hải Quân	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo			x	
93	Quảng Văn Sơn	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo			x	
94	Giàng A Tính	2007	12C3	HMông	GD hộ nghèo			x	
95	Lường Quang Trung	2007	12C3	Thái	GD hộ nghèo			x	
96	Ly A Vừ	2007	12C4	HMông	GD hộ nghèo			x	
97	Cà Thị Diện	2007	12C4	Thái	GD hộ nghèo			x	
98	Lường Thị Bảo Châm	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
99	Quảng Thanh Đông	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
100	Lường Văn Nam	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
101	Lò Thị Hồng Ngọc	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
102	Lò Văn Hải	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
103	Lò Thị Bích Hằng	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
104	Lò Văn Tiếp	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
105	Lò Việt Đức	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
106	Lường Khánh Vân	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
107	Lường Thị Yến	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
108	Lường Hoài Nam	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
109	Lò Thị Phương	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
110	Quảng Văn Tuyền	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
111	Vàng Thị Bích Xuân	2012	7A1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
112	Điêu Thị Linh Lan	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
113	Tòng Thị Chi	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
114	Tòng Văn Hoàng	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
115	Lò Chí Khoa	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
116	Lò Văn Long	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
117	Tòng Mạnh Quyền	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
118	Lò Văn Sang	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
119	Lò Thị Bảo Châm	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
120	Lò Văn Quân	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
121	Lò Văn Quang	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
122	Tùng Anh Thư	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
123	Lò Duy Mạnh	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
124	Quảng Văn Phong	2011	8A2	Khơ Mú	DTTS KVĐBKK			x	
125	Lường Văn Quyển	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
126	Cà Thị Trâm	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
127	Lò Văn Vị	2011	8A3	Khơ Mú	DTTS KVĐBKK			x	
128	Tùng Thị Minh	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
129	Lò Thị Thoa	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
130	Lò Ngọc Hiền	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
131	Cà Thị Tuyết	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
132	Lò Thị Yên	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
133	Vàng Trường Sơn	2011	8A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
134	Lò Văn Ánh	2010	9A1	Khơ Mú	DTTS KVĐBKK			x	
135	Quảng Thị Yến	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
136	Tùng Văn Quyền	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
137	Quảng Bảo Đạt	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
138	Lường Văn Quân	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
139	Bạc Cẩm Mạnh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
140	Cà Văn Hiến	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
141	Quảng Văn Hải	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
142	Lò Minh Duy	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
143	Lò Thị Quỳnh	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
144	Cà Văn Tâm	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
145	Vàng A Cửa	2010	9A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
146	Lò Thị Trang	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
147	Lò Văn Phong	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
148	Lò Thúy Nga	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
149	Lò Thị Bảo Châu	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
150	Lò Phi Hùng	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
151	Lò Việt Huy	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
152	Lò Thị Diệu Anh	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
153	Tùng Thị Mai Chi	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
154	Lò Việt Đông	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
155	Cà Thị Giang	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
156	Tùng Gia Huy	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
157	Quảng Minh Khôi	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
158	Lường Duy Khánh	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
159	Tùng Minh Lan	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
160	Lò Anh Đạt	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
161	Lò Thị Ngọc	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
162	Lò Cà Quý Nhi	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
163	Lò Khánh Phương	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
164	Quảng Tuyên Quang	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
165	Lường Thị Thảo	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
166	Lò Thị Thanh Thùy	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
167	Quảng Thị Thanh Thùy	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
168	Tòng Thanh Trúc	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
169	Lò Văn Trường	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
170	Lò Văn Tuấn	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
171	Tòng Đức Tuyền	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
172	Lò Thị Phương Uyên	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
173	Lò Văn Xuân	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
174	Lò Thị Hương	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
175	Quảng Xuân Tiến	2013	6A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
176	Tòng Thị Bảo Trúc	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
177	Lường Văn Việt	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
178	Tòng Văn Việt	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
179	Tòng Mai Hà	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
180	Lường Văn Nghĩa	2013	6A2	Khơ Mú	DTTS KVĐBKK			x	
181	Lò Tuấn Tú	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
182	Quảng Anh Việt	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
183	Tòng Văn Dũng	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
184	Lường Mạnh Duy	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
185	Tòng Thị Diệp	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
186	Lò Tiến Đạt	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
187	Cà Văn Đông	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
188	Tòng Khải Đoàn	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
189	Tòng Thị Ngọc Diệp	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
190	Lường Mạnh Huy	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
191	Lò Quang Khải	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
192	Lò Quốc Khánh	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
193	Tòng Thị Thủy Linh	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
194	Lò Thị Thủy Linh	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
195	Tòng Diễm Ngọc	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
196	Lò Thị Bích Nguyệt	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
197	Vũ Minh Nhật	2013	6A2	Kinh	Thôn bản KVĐBKK			x	
198	Lò Thị Thảo Nhi	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
199	Quảng Thị Tâm Như	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
200	Quảng Thị Hồng Nhung	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
201	Cà Xuân Thành	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
202	Nguyễn Như Thảo	2013	6A2	Kinh	Thôn bản KVĐBKK			x	
203	Lò Thị Huyền Trang	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
204	Quảng Thị Bảo Trang	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
205	Quảng Khôi Nguyên	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
206	Quảng Thị Vân Nhi	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
207	Lò Mạnh Tùng	2013	6A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
208	Vàng A Chua	2013	6A2	H'Mông	DTTS KVĐBKK			x	
209	Lò Hải Đăng	2013	6A3	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
210	Cà Văn Đạt	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
211	Quảng Mạnh Cường	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
212	Lò Bảo Ngân	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
213	Lường Anh Quốc	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
214	Quảng Thị Huyền Trang	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
215	Cà Khánh Linh	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
216	Tùng Thị Kim Uyên	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
217	Lò Thị Yến Nhi	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
218	Quảng Bảo Duy	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
219	Tùng Minh Anh	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
220	Tùng Mạnh Cường	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
221	Lò Văn Duy	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
222	Lường Hoàng Duy	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
223	Quảng Thị Thu Hà	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
224	Cà Thị Kiều Hoa	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
225	Quảng Thị Nhi	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
226	Lò Thị Linh	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
227	Lường Thị Linh	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
228	Lường Thị Kim Nga	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
229	Lường Thị Kim Nguyệt	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
230	Quảng Thị Tâm Như	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
231	Lò Tuyết Nhung	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
232	Lò Anh Quân	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
233	Lò Minh Quân	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
234	Phan Thị Thanh Trúc	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
235	Lò Thị Phương Vy	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
236	Lò Thị Bảo Yến	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
237	Cà Thị Yến	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
238	Lò Tuấn Kiệt	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
239	Cà Thị Thanh Mai	2013	6A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
240	Lò Đại Bằng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
241	Lò Văn Chính	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
242	Lò Thị Ngọc Diệp	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
243	Cà Thị Thùy Dương	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
244	Cà Văn Tú	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
245	Lò Văn Duy	2013	6A4	Kmú	DTTS KVĐBKK			x	
246	Cà Thị Ngân Hà	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
247	Lò Thu Hà	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
248	Quảng Thanh Hải	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
249	Lò Thị Thanh Hằng	2013	6A4	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
250	Lường Thúy Hằng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
251	Lò Văn Hoàng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
252	Lò Thành Hưng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
253	Quảng Văn Huy	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
254	Lò Thanh Lâm	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
255	Lò Thị Mai Ly	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
256	Lò Văn Việt	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
257	Cà Duy Mạnh	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
258	Cà Văn Mạnh	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
259	Tông Thị Thủy Ngân	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
260	Lò Phương Thúy	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
261	Lò Hoàn Khánh	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
262	Vì Văn Nhớ	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
263	Lường Duy Phúc	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
264	Lò Đức Tài	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
265	Lò Mạnh Tân	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
266	Lò Văn Thân	2013	6A4	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
267	Tông Thị Quỳnh Trang	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
268	Lường Mai Trinh	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
269	Lường Văn Trọng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
270	Phạm Văn Ngọc Thạch	2013	6A4	Kinh	Thôn bản KVĐBKK			x	
271	Lò Ngọc Tùng	2013	6A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
272	Quảng Phương An	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
273	Quảng Thị Bích Huyền	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
274	Lò Minh Thìn	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
275	Cà Thị Thu Thủy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
276	Quảng Thị Tuyết	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
277	Bùi Việt Anh	2012	7A1	Mường	DTTS KVĐBKK			x	
278	Lò Văn Anh	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
279	Quảng Thị Phương Anh	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
280	Cà Gia Bảo	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
281	Cà Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
282	Lường Thế Duy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
283	Tông Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
284	Lò Thị Thanh Hằng	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
285	Lò Văn Huy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
286	Tông Văn Hưng	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
287	Lò Đức Khải	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
288	Cà Thị Kiều	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
289	Lò Thị Mai Linh	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
290	Lường Thùy Linh	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
291	Tông Thị Thùy Linh	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
292	Cà Văn Long	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
293	Lò Bảo Nguyên	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
294	Lường Thanh Tùng	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
295	Tông Thanh Tùng	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
296	Lò Bảo Việt	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
297	Tông Thị Xuân	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
298	Lò Văn Viện	2012	7A1	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
299	Lò Thị Nguyệt	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
300	Quảng Khánh Phương	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
301	Lò Minh Chí	2012	7A1	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
302	Lò Thị Dịu	2012	7A2	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
303	Lường Anh Đạt	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
304	Quảng Văn Hoàng	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
305	Lò Thị Mai	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
306	Tông Văn An	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
307	Lò Tuấn Anh	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
308	Tông Thị Nguyệt Anh	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
309	Điều Chính Gia Bảo	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
310	Lường Thị Bảo Châm	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
311	Lò Bảo Châu	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
312	Lò Thị Ngọc Diệp	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
313	Lường Văn Dũng	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
314	Lò Minh Đức	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
315	Lò Mạnh Hải	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
316	Tông Thị Thanh Hiền	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
317	Tông Trung Hiếu	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
318	Lò Văn Mạnh Hùng	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
319	Lò Thị Mai Lan	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
320	Tông Thị Diệu Linh	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
321	Lò Thị Quỳnh Nga	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
322	Quảng Thị Bích Ngọc	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
323	Lò Thị Nhi	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
324	Quảng Thị Ngọc Nhi	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
325	Quảng Thị Nhi	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
326	Quảng Thị Phận	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
327	Lò Thị Thẩm	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
328	Lò Anh Tuấn	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
329	Quảng Văn Phú	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
330	Lò Văn Tùng	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
331	Lò Văn Quân	2012	7A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
332	Lò Thị An	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
333	Quảng Văn Mạnh Cường	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
334	Cà Thị Triều Dương	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
335	Quảng Thu Hà	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
336	Lường Duy Hoàng	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
337	Lò Tuấn Kiệt	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
338	Lường Thị Bảo Lan	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
339	Lường Thị Chà My	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
340	Lò Minh Sang	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
341	Lường Thị Ngọc Châu	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
342	Lò Đức Chiến	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
343	Lò Văn Chính	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
344	Tòng Thị Kiều Diễm	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
345	Lường Thị Diên	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
346	Lò Hoàng Đức Duy	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
347	Lò Văn Đăng Dương	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
348	Tòng Thị Hằng	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
349	Quảng Thị Thu Hoài	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
350	Lò Đăng Khôi	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
351	Quảng Gia Kiệt	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
352	Lò Thị Diệu Linh	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
353	Ngô Hà Linh	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
354	Lường Bảo Long	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
355	Tòng Văn Luyện	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
356	Lò Thị Kim Ngân	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
357	Lò Văn Nghĩa	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
358	Lường Trọng Nghĩa	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
359	Lò Thị Bích Phượng	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
360	Tòng Minh Quang	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
361	Lò Hồng Quân	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
362	Cả Văn Thông	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
363	Cả Thị Thùy Trang	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
364	Đình Thị Bảo Trâm	2012	7A3	Mường	DTTS KVĐBKK			x	
365	Tòng Thị Phương Vy	2012	7A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
366	Phạm Anh Khoa	2012	7A4	Kinh	Thôn bản KVĐBKK			x	
367	Cả Thanh Thùy	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
368	Cả Việt Bắc	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
369	Tòng Thị Hồng Châm	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
370	Lường Thanh Điệp	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
371	Cả Xuân Hải	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
372	Lò Thị Ngọc	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
373	Lò Văn Nguyên	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
374	Quảng Thị Danh	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
375	Tòng Phương Anh	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
376	Lò Mạnh Cường	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
377	Lò Đức Duy	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
378	Lò Thế Đạt	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
379	Tòng Tiến Đạt	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
380	Lò Văn Giang	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
381	Quảng Văn Giang	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
382	Quảng Thị Thu Hà	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
383	Lò Thị Thu Hằng	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
384	Tòng Văn Hiệp	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
385	Lò Quốc Hiệu	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
386	Tòng Thị Hoài	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
387	Lò Minh Huy	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
388	Lường Đức Mạnh	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
389	Lò Văn Nghĩa	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
390	Lò Thị Phương	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
391	Lò Thị Thao	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
392	Tòng Thị Hồng Thín	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
393	Lò Minh Thư	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
394	Tòng Quang Tiến	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
395	Quảng Bảo Trang	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
396	Lò Thị Thanh Trang	2012	7A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
397	Lò Thị Mai Chinh	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
398	Cà Việt Hoàng	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
399	Lò Quang Huy	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
400	Lò Thị Ngân	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
401	Lò Thị Uyên Nhi	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
402	Lò Thị Tuyết Trang	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
403	Cà Thị Ngọc Tuyết	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
404	Tòng Văn Thảo	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
405	Lò Quốc Đại	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
406	Quảng Thị Tuyết Dung	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
407	Cà Văn Duy	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
408	Tòng Trung Hiếu	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
409	Lò Thị Giang Kiều	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
410	Cà Thị Diệu Linh	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
411	Lò Thị Yến Nhi	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
412	Tòng Thị Kim Oanh	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
413	Lò Văn Quý	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
414	Quảng Thị Thương	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
415	Lò Thị Thu Thủy	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
416	Tòng Văn Tiến	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
417	Lò Thanh Tiệp	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
418	Cà Văn Trường	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
419	Lò Thị Ngọc Tuyết	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
420	Tòng Minh Đức	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
421	Lò Quang Huy	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
422	Quảng Thị Chi Su	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
423	Lò Thị Văn	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
424	Tòng Thị Ly	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
425	Lường Khánh Duy	2012	7A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
426	Lò Gia Bảo	2012	7A5	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
427	Phạm Thị Hồng Thủy	2011	8A1	Kinh	Thôn bán KVĐBKK			x	
428	Lò Thu Hà	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
429	Quảng Văn Khánh	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
430	Lò Văn Thảo	2011	8A1	Khơ Mú	DTTS KVĐBKK			x	
431	Cà Thu Hằng	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
432	Lò Thị Lan Anh	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
433	Lò Thị Anh Đào	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
434	Lò Thị Ngọc Hà	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
435	Tòng Thị Hương	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
436	Cà Tuấn Khang	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
437	Lò Văn Phú	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
438	Lò Thị Phương	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
439	Quảng Lệ Quyên	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
440	Lường Văn Thực	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
441	Lò Thị Huyền Trang	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
442	Tòng Thị Bảo Trâm	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
443	Lò Đức Trọng	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
444	Tòng Thị Huyền	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
445	Quảng Tuấn Quỳnh	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
446	Tòng Thị Chung	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
447	Quảng Văn Niệm	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
448	Lò Quý Minh	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
449	Tòng Văn Quyết	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
450	Lường Ngọc Tiến	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
451	Lường Nhã Uyên	2011	8A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
452	Lò Thị Minh Tuyết	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
453	Lường Thị Quỳnh Chi	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
454	Lò Thị Thuỳên Hậu	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
455	Cà Đức Hiệp	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
456	Lò Thanh Lâm	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
457	Lò Thị Bảo Vy	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
458	Lò Thị Mai Chi	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
459	Lò Khánh Duy	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
460	Lò Ánh Diệp	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
461	Lò Văn Hải	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
462	Cà Văn Hạnh	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
463	Cà Văn Hoàng	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
464	Quảng Văn Khải	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
465	Giàng Thị Ngọc Linh	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
466	Khoàng Diệu Linh	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
467	Cà Thị Ánh Nguyệt	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
468	Quảng Thị Hồng Nhung	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
469	Tòng Thị Oanh	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
470	Tòng Văn Quý	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
471	Quảng Hồng Thái	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
472	Lò Văn Thế	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
473	Quảng Văn Thư	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
474	Lò Chung Tình	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
475	Cà Quý Trọng	2011	8A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
476	Lò Thị Thủy	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
477	Cà Thị Thu Hà	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
478	Lò Văn Sơn	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
479	Lò Văn An	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
480	Lò Thế Hiệp	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
481	Quảng Văn Thuận	2010	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
482	Cà Hà Anh	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
483	Lò Thị Chi	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
484	Lò Văn Cường	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
485	Lò Thị Diệp	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
486	Lò Quốc Đạt	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
487	Lò Thị Hồng Diệp	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
488	Lương Thị Hiền	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
489	Lò Thanh Hoàng	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
490	Lương Thị Lệ	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
491	Lò Văn Nam	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
492	Lò Văn Nghĩa	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
493	Lò Thị Oanh	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
494	Lương Thị Vân Oanh	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
495	Lò Mạnh Quyến	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
496	Lò Thị Phương Thảo	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
497	Lò Tiến Minh	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
498	Cà Thị Hà Vy	2011	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
499	Tòng Mạnh Thắng	2010	8A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
500	Cà Văn Duy	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
501	Cà Văn Hải	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
502	Cà Minh Hiếu	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
503	Lương Thị Thu Hoài	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
504	Lương Việt Trung	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
505	Lò Văn Anh	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
506	Lò Văn Đại	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
507	Lò Hải Đăng	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
508	Lò Duy Đông	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
509	Cà Văn Hùng	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
510	Lò Mạnh Hùng	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
511	Lò Văn Liêm	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
512	Lò Thị Linh	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
513	Lò Thị Nga	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
514	Lương Kim Ngân	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
515	Tòng Văn Anh Nghĩa	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
516	Lò Mạnh Quân	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
517	Lò Cà Minh Quang	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
518	Lò Như Quỳnh	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
519	Lường Hoàng Thái	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
520	Lò Thị Thư	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
521	Lò Thị Thu Thủy	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
522	Lò Thị Loan Trang	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
523	Lò Thị Trang	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
524	Tòng Minh Trường	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
525	Quảng Văn Văn	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
526	Lường Thị Hồng Yến	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
527	Lò Văn Máy	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
528	Vàng A Lu	2011	8A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
529	Cả Thị Phượng	2011	8A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
530	Lò Việt Hưng	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
531	Tòng Văn Đạt	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
532	Quảng Thị Thu Huyền	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
533	Lường Hoàng Anh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
534	Tòng Thị Kim Anh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
535	Quảng Thị Hân	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
536	Lò Việt Anh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
537	Quảng Thị Lan Anh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
538	Lường Văn Tùng	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
539	Lò Văn Hà	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
540	Lò Huy Hiệp	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
541	Lò Minh Huy	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
542	Lò Văn Huy	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
543	Lò Thị Nhi Lệ	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
544	Vì Thị Ánh Nguyệt	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
545	Lò Thị Nhung	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
546	Lò Bảo Quân	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
547	Tòng Thị Thanh Thủy	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
548	Cả Văn Tiến	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
549	Quảng Thị Kim Chi	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
550	Quảng Văn Duy	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
551	Lường Minh Thông	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
552	Quảng Văn Mạnh	2010	9A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
553	Cả Thị Lan	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
554	Quảng Thị Thủy Nga	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
555	Lường Văn Tùng	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
556	Quảng Thị Thảo	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
557	Lường Thị Thanh Hâu	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
558	Cả Thị Xuân	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
559	Lường Thị Thủy	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
560	Tòng Thanh Thảo	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
561	Lò Văn Châm	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
562	Cà Thị Điệp	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
563	Lường Minh Đức	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
564	Lò Huy Hoàng	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
565	Tòng Văn Hoàng	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
566	Quảng Thị Thanh Huyền	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
567	Lò Thị Hà Lan	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
568	Quảng Đức Mạnh	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
569	Lò Mạnh Nghĩa	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
570	Lò Thị Bích Phương	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
571	Lò Mạnh Quân	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
572	Lường Ngọc Quyền	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
573	Lường Văn Quyền	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
574	Lò Văn Thành	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
575	Cà Thị Hồng Vân	2010	9A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
576	Lường Chiến Hữu	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
577	Cà Thị Mai Lan	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
578	Lường Thị Yến Nhi	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
579	Cà Xuân Thịnh	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
580	Quảng Thị Bảo Trang	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
581	Cà Bảo Việt	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
582	Cà Thị Hồng Sim	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
583	Lường Thị Hân	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
584	Lường Việt Anh	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
585	Quảng Thị Quỳnh Duyên	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
586	Lường Thị Hà	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
587	Lò Huy Hoàng	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
588	Lò Thị Thanh Huyền	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
589	Cà Văn Hưng	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
590	Tòng Văn Khoa	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
591	Lò Văn Khôi	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
592	Lò Văn Nam	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
593	Lò Thị Tuyết Nga	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
594	Tòng Trung Nghĩa	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
595	Tòng Văn Quân	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
596	Lường Thái Sơn	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
597	Lò Thị Lệ Thùy	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
598	Tòng Thị Duyên	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
599	Lầu A Dính	2010	9A3	H'Mông	DTTS KVĐBKK			x	
600	Quảng Đức Duy	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
601	Lò Thị Hường	2010	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
602	Tòng Thanh Thủy	2009	9A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
603	Lò Thị Thiết	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
604	Lò Ngọc Thủy	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
605	Lò Thị Hoài Linh	2010	9A4	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú	
						I	II	III		
606	Lương Văn Ly	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
607	Quảng Văn Cường	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
608	Tùng Mạnh Cường	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
609	Lò Thanh Điệp	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
610	Lò Thị Hải	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
611	Lương Văn Lợi	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
612	Lò Thùy Nguyệt Ly	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
613	Lò Duy Mạnh	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
614	Lương Yến Nhi	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
615	Lò Thị Kim Oanh	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
616	Lò Ngọc Quý	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
617	Bạc Cẩm Sơn	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
618	Lò Đức Trọng	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
619	Lương Thị Ngọc Yến	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
620	Tùng Thị Hải Yến	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
621	Quảng Thái Hoàng	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
622	Cà Thị Tươi	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
623	Tùng Văn Đạt	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
624	Giàng Thị Kim Ngọc	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
625	Lò Văn Quyết	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
626	Lò Văn Đức	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
627	Lò Văn Khánh	2010	9A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
II	Số học sinh (tăng mới đủ điều kiện hưởng chính sách học kỳ II)								7	
1	Lò Thị Thanh Huyền	2013	6A1	Khơ Mú	GD hộ nghèo			x		
2	Cà Thị My	2011	8A2	Thái	GD hộ nghèo			x		
3	Lò Văn Thiết	2011	8A4	Thái	GD hộ nghèo			x		
4	Cà Quốc Khánh	2013	6A2	Thái	GD hộ nghèo			x		
5	Lò Thị Liêm	2008	11B4	Thái	GD hộ nghèo			x		
6	Lò Thị Chi	2007	12C3	Khơ-mú	GD hộ nghèo			x		
7	Sùng Thị Mò	2008	11B1	H'Mông	GD hộ nghèo			x		
B	Đối tượng giảm 70%								386	
I	Số học sinh đã được hưởng chính sách học kỳ I năm học 2024-2025, đủ điều kiện hưởng tiếp học kỳ II								338	
1	Lương Thị Cẩn	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
2	Lò Văn Điệp	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
3	Quảng Việt Hà	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
4	Lù Thị Hồng	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
5	Lò Văn Khiên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
6	Lương Văn Mạnh	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
7	Lương Thị Ngân	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
8	Lò Thị Nguyên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
9	Lò Thị Quyên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		
10	Lò Thị Văn Anh	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x		

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
11	Quảng Thị Chi	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
12	Lường Thị Diệp	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
13	Lò Thị Duyên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
14	Lò Thị Hà	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
15	Cà Thị Mỹ Lệ	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
16	Tông Duy Mạnh	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
17	Lường Thị Ngọc Na	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
18	Quảng Thị Ngoan	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
19	Lò Thị Nguyên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
20	Lò Xuân Nguyễn	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
21	Lò Dung Nguyệt	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
22	Lò Thị Nhi	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
23	Lò Thị Thảo	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
24	Lò Văn Thương	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
25	Lò Thị Thanh Thúy	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
26	Lò Thị Thủy	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
27	Tông Văn Tiên	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
28	Lò Thị Phương Trâm	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
29	Mùa Tiến Định	2009	10A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
30	Lường Văn Dung	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
31	Lường Thị Thu Hoài	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
32	Lò Văn Hoàng	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
33	Lò Văn Hưng	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
34	Cà Văn Kiên	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
35	Quảng Văn Phương	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
36	Lò Văn Quân	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
37	Quảng Mạnh Quỳnh	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
38	Vàng Hùng Sơn	2009	10A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
39	Vàng Thị Trang	2009	10A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
40	Vừ Thị Nhung	2009	10A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
41	Quảng Thế Duy	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
42	Lường Hải Huy	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
43	Lò Thị Thanh Huyền	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
44	Quảng Đức Kiên	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
45	Cà Thị Ngân	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
46	Lò Chung Nghiệp	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
47	Cà Thị Hằng	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
48	Quảng Hoàng Hiệp	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
49	Tông Công Huy	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
50	Tông Thị Nga	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
51	Tông Đức Phương	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
52	Tông Thị Mai Phương	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
53	Tông Văn Quyên	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
54	Lò Xuân Quyên	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
55	Cà Văn Sơn	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
56	Lò Anh Tuấn	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
57	Lường Thị Duyên	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
58	Lường Văn Lợi	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
59	Lầu Thị Phương	2009	10A3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
60	Lầu A Sinh	2009	10A3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
61	Cà Thị Lan Tâm	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
62	Lò Mạnh Tiến	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
63	Lò Minh Quân	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
64	Lường Minh Quân	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
65	Cà Thị Phương	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
66	Lò Thị Thanh Thảo	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
67	Lường Xuân Trường	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
68	Cà Thị Hà Chi	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
69	Lò Thị Chúc	2009	10A3	Khơ mú	DTTS KVĐBKK			x	
70	Quảng Văn Chung	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
71	Tông Việt Duy	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
72	Cà Thị Giang	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
73	Lò Văn Hiệu	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
74	Lò Thị Hoài	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
75	Bùi Thị Ngọc Huyền	2009	10A3	Mường	DTTS KVĐBKK			x	
76	Nguyễn Gia Mỹ	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
77	Lò Văn Nghiệp	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
78	Lò Thị Kim Ngọc	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
79	Lường Thị Ngọc	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
80	Lò Văn Nhất	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
81	Tông Thị Yến Nhi	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
82	Lò Thị Như Quỳnh	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
83	Lường Thị Thu Quỳnh	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
84	Lò Thị Anh Thư	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
85	Tông Thị Thẩm Tinh	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
86	Quảng Văn Tinh	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
87	Lường Văn Tuấn	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
88	Lò Thị Vân	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
89	Lường Thị Vui	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
90	Quảng Văn Hào	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
91	Lò Thị Hằng	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
92	Sùng Thị Hằng	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
93	Lò Văn Huy	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
94	Lò Thị Nga	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
95	Lò Văn Nghĩa	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
96	Lường Thị Phương Nhi	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
97	Lò Kiều Oanh	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
98	Lò Thị Phương	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
99	Lò Văn Quyền	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
100	Sùng A Thanh	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
101	Quàng Văn Trường	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
102	Vàng Thị Vi	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
103	Cà Văn Việt	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
104	Lò Thế Vinh	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
105	Cà Minh Quyền	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
106	Cà Văn Tiên	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
107	Tùng Văn Toàn	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
108	Lò Việt Thành	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
109	Quàng Văn Chiến	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
110	Hờ A Chứ	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
111	Lò Thị Cương	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
112	Hờ Thị Dự	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
113	Mùa A Hồ	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
114	Giàng A Khây	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
115	Cà Thị Thiệp	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
116	Lầu Đức Thủy	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
117	Lường Văn Trường	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
118	Vàng A Vui	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
119	Lường Văn Doan	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
120	Quàng Khánh Duy	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
121	Lò Thị Khánh Ly	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
122	Cà Thị Huyền Ngọc	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
123	Quàng Thị Yến Nhi	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
124	Lường Văn Phương	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
125	Lò Thị Hân	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
126	Thào Thị Xa Ly	2007	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
127	Lò Thị Diệp	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
128	Lường Văn Đạt	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
129	Tùng Hải Đăng	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
130	Lường Văn Huy	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
131	Tùng Bảo Nam	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
132	Tùng Thị Nguyệt	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
133	Lò Thị Nhật	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
134	Tùng Thị Oanh	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
135	Lò Hải Quyết	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
136	Lò Thị Sinh	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
137	Lò Thị Tiệp	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
138	Cà Thị Thảo	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
139	Tùng Thị Xuân	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
140	Cà Ngọc Diệp	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
141	Mùa A Dề	2008	11B2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
142	Vàng Thái Bình	2008	11B2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
143	Lò Thị Dương	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
144	Quảng Văn Dương	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
145	Cà Văn Hành	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
146	Quảng Văn Quyết	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
147	Lường Thị Quỳnh	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
148	Lò Văn Thắng	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
149	Lường Thị Thiết	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
150	Lường Văn Thức	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
151	Sùng Bích Thùy	2008	11B2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
152	Lò Văn Tinh	2007	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
153	Cà Thị Kiều Trâm	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
154	Lường Thị Thùy Trang	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
155	Lò Anh Việt	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
156	Lò Duy Luân	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
157	Tông Như Quỳnh	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
158	Tông Thị Mai	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
159	Lò Văn Đạt	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
160	Quảng Văn Kiên	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
161	Lường Văn Kiệt	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
162	Tông Văn Lâm	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
163	Lò Thị Mai	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
164	Lò Thị Nhung	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
165	Cà Thị Quân	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
166	Lường Tiến Thành	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
167	Lò Thị Minh Trang	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
168	Lò Thị Trang	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
169	Lò Minh Quân	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
170	Lường Văn Bình	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
171	Quảng Văn Nghiệp	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
172	Sùng A Đà	2008	11B3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
173	Mùa A Vàng	2008	11B3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
174	Lường Văn Hưng	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
175	Mùa Thị Bày	2008	11B3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
176	Lò Xuân Việt	2007	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
177	Giàng Thị Trắng	2008	11B3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
178	Mùa Anh Súa	2008	11B3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
179	Lò Thị Hương	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
180	Lò Văn Nghiệp	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
181	Tông Thị Thúy	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
182	Quảng Thị Na	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
183	Lường Văn Đông	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
184	Quảng Ngọc Anh	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
185	Lò Chu Thế Đạt	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
186	Lường Hồng Đức	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
187	Lò Thị Thu Hà	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
188	Lò Thị Thúy Ngân	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
189	Lò Thị Yến Nhi	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
190	Lò Minh Quang	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
191	Quảng Thị Sao	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
192	Lò Thị Thảo	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
193	Lò Thị Vân	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
194	Tông Thị Xuân	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
195	Tông Thị Mai Hồng	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
196	Lò Văn Khoa	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
197	Lò Thị Lan	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
198	Quảng Việt Lâm	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
199	Lò Duy Mạnh	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
200	Vàng Thu Hà	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
201	Lường Thị Hương	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
202	Giàng Thị Chuyên	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
203	Quảng Văn Duy Quang	2008	11B4	Kháng	DTTS KVĐBKK			x	
204	Lường Văn Nguyên	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
205	Lường Thị Ngọc	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
206	Lò Thị Hồng Loan	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
207	Giàng A Lan	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
208	Lò Văn Vũ	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
209	Lò Thế Hà	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
210	Lường Thị Kim Lệ	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
211	Cà Văn Mạnh	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
212	Lò Văn Duy	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
213	Quảng Văn Hào	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
214	Tông Văn Nghiệp	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
215	Tông Thị Thu Phương	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
216	Tông Anh Tuấn	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
217	Lò Thị Thanh	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
218	Tông Văn Cường	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
219	Lò Thị Nhung	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
220	Lò Văn Cường	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
221	Lò Văn Nam	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
222	Lò Thị Hằng	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
223	Tông Văn Luân	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
224	Tông Văn Huy	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
225	Lường Văn Nguyên	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
226	Chá Chung Đại	2007	12C1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
227	Hờ A Ký	2007	12C1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
228	Lò Văn Nam	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
229	Quảng Văn Thùy	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
230	Tông Văn Hiệp	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
231	Sùng A Thái	2007	12C1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
232	Lò Thị Văn	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
233	Quảng Văn Thủy	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
234	Lò Thị Nga	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
235	Lò Văn Lượng	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
236	Lò Văn Nam	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
237	Lò Văn Diêm	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
238	Lò Văn Long	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
239	Lường Thị Huệ	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
240	Lò Văn Thế	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
241	Tông Thị Phương Anh	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
242	Quảng Văn Chung	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
243	Lường Thị Duyên	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
244	Quảng Thị Hợi	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
245	Tông Thị Lệ	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
246	Lò Văn Phong	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
247	Lò Văn Quỳnh	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
248	Lò Văn Trung	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
249	Quảng Văn Tuấn	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
250	Lò Thái Vui	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
251	Lò Văn Thông	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
252	Lò Văn Thu	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
253	Cà Thị Anh	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
254	Lò Thị Chang	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
255	Quảng Thị Châm	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
256	Tông Thị Quỳnh Chi	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
257	Cà Thị Chuyên	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
258	Lò Văn Hải	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
259	Lò Văn Hoàng	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
260	Quảng Văn Hoàng	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
261	Lò Văn Huy	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
262	Lò Quốc Khánh	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
263	Tông Đại Khương	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
264	Lò Thị Kim	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
265	Tông Văn Luyện	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
266	Cà Văn Mạnh	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
267	Lò Thị Nga	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
268	Lường Thị Ngân	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
269	Lò Văn Nhất	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
270	Lò Văn Phong	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
271	Lò Xuân Quỳnh	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
272	Mùa A Sùng	2007	12C2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
273	Mùa A Sự	2007	12C2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
274	Quảng Văn Tâm	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
275	Lò Văn Thảo	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
276	Lò Thị Thắm	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
277	Lò Văn Nguyên	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
278	Lò Văn Thắng	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
279	Tông Anh Việt	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
280	Lò Đức Hải	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
281	Lò Văn Kim	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
282	Lò Văn Tùng	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
283	Lò Thị Thanh Xuân	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
284	Mùa A Lâu	2007	12C3	HMDông	DTTS KVĐBKK			x	
285	Lò Thị Mừng	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
286	Lò Thị Thảo	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
287	Lò Thị Hoàng Hải Yến	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
288	Lương Thị Anh	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
289	Quàng Mai Chi	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
290	Lò Văn Duy	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
291	Lò Văn Hà	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
292	Lương Thị Hà	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
293	Lương Văn Hiệu	2007	12C3	Khơ-mú	DTTS KVĐBKK			x	
294	Quàng Mai Huệ	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
295	Cà Thị Lan	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
296	Lương Văn Liêm	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
297	Tông Thị Kim Loan	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
298	Cà Văn Long	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
299	Lương Thị Na	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
300	Lò Văn Nam	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
301	Lò Thị Nga	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
302	Tông Văn Ngân	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
303	Quàng Văn Nghiệp	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
304	Lò Anh Ngọc	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
305	Lò Thị Ngọc	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
306	Lò Thị Quý	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
307	Tông Văn Quyền	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
308	Lương Minh Thân	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
309	Cà Thị Thảo	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
310	Lương Thị Tinh	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
311	Cà Thị Trang	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
312	Tông Thị Kiều Trang	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
313	Tông Văn Trường	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
314	Lò Thị Ánh Tuyết	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
315	Lương Thị Tuyết	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
316	Lương Thị Phương	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
317	Lâu A Phú	2007	12C4	HMDông	DTTS KVĐBKK			x	
318	Lương Diệu Thương	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
319	Quảng Duy Mạnh	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
320	Cà Văn Hoàng	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
321	Quảng Văn Tâm	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
322	Lò Hương Giang	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
323	Cà Thị Thu Hằng	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
324	Lường Thị Huệ	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
325	Lường Thị Hà	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
326	Lường Thị Diễm Quỳnh	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
327	Quảng Thị Tuyết	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
328	Lò Thị Uyên	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
329	Lò Văn Chung	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
330	Lò Thị Đào	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
331	Lò Thị Mai	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
332	Quảng Thị Nguyệt	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
333	Lò Thị Kim Thơ	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
334	Cà Văn Đại	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
335	Lò Thị Hằng	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
336	Quảng Thị Hằng	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
337	Tông Thị Quyên	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
338	Lò Thị Xa	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
II	Số học sinh (tăng mới đủ điều kiện hưởng chính sách học kỳ II)							48	
1	Lường Thị Nga	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
2	Lường Thị Nguyệt	2010	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
3	Lò Đức Thắng	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
4	Lò Thị Thi	2009	10A1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
5	Lò Minh Khánh	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
6	Vàng Thái Phong	2009	10A2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
7	Lò Văn Đức	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
8	Lò Văn Tươi	2009	10A2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
9	Quảng Việt Anh	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
10	Cà Văn Nam	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
11	Cà Thị Phương Thủy	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
12	Cà Thị Thủy Tiên	2009	10A3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
13	Tông Thị Kiều	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
14	Lò Văn Mạnh	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
15	Lò Thị Xuân Quỳnh	2009	10A4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
16	Mùa A Đông	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
17	Vàng Thành Sùng	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
18	Sùng A Tú	2009	10A4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
19	Lường Thị Mai Quyên	2008	11B1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
20	Vàng A Sơn	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
21	Sùng A Tuấn	2008	11B1	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
22	Lò Mạnh Cường	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Đối tượng	Địa chỉ thường trú thuộc khu vực			Ghi chú
						I	II	III	
23	Cả Việt Hoàng	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
24	Lò Văn Minh	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
25	Tòng Thị Lệ Quyên	2008	11B2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
26	Cả Thị Tân	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
27	Lò Văn Hoàng	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
28	Quảng Thị Trang	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
29	Quảng Thị Thảo	2008	11B3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
30	Mùa Thị Cá	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
31	Lường Thị Dung	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
32	Lò Thanh Hoa	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
33	Mùa Thị So	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
34	Quảng Văn Dũng	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
35	Cả Văn Duy	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
36	Lò Thị Dung	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
37	Tòng Thị Giang	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
38	Mùa A Minh	2008	11B4	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
39	Bạc Thị Huệ	2008	11B4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
40	Vừ A Dơ	2007	12C1	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
41	Vàng A Đông	2007	12C2	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
42	Lường Văn Hào	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
43	Cả Thị Ngọc Xuân	2007	12C2	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
44	Lò Văn Nghĩa	2007	12C3	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
45	Giàng A Sơn	2007	12C3	HMông	DTTS KVĐBKK			x	
46	Tòng Văn Cường	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
47	Lò Thị Nguyệt	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
48	Lò Thị Hải	2007	12C4	Thái	DTTS KVĐBKK			x	
C	Đối tượng giảm 50%							4	
I	Số học sinh đã được hưởng chính sách học kỳ I năm học 2024-2025, đủ điều kiện hưởng tiếp học kỳ II							3	
1	Lường Thanh Tùng	2012	7A5	Thái	GD hộ cận nghèo			x	
2	Quảng Văn Hồng	2008	11B2	Thái	GD hộ cận nghèo			x	
3	Cả Thị Oanh	2007	12C3	Thái	GD hộ cận nghèo			x	
II	Số học sinh (tăng mới đủ điều kiện hưởng chính sách học kỳ II)							1	
1	Lường Nhất Long	2013	6A3	Thái	GD Hộ cận nghèo			x	

(Danh sách này có: 1024 em trong đó: Đối tượng miễn 100% có: 634 em; giảm 70% có: 386 em; giảm 50% có 04 em)

**TỔNG HỢP KINH PHÍ, DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO THÔNG TƯ 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Thông báo số: 1125 /TB-SGDĐT, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Sở GDĐT)

TT	Danh sách học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Dạng khuyết tật (vận động, nghe, nói, nhìn,...)	Gia đình thuộc diện hộ nghèo/cận nghèo	Chế độ thụ hưởng	
							Học bổng (80% lương cơ sở/tháng)	Kinh phí mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập 1.000.000 đồng/năm học.
	TỔNG CỘNG						402.480.000	
	Trường THPT Mường Luân						28.080.000	
1	Giàng A Vị	2009	10A4	Mông	Khuyết tật trí tuệ nặng	Hộ nghèo	9.360.000	
2	Lò Thị Diệp	2008	11B3	Thái	Khuyết tật thần kinh	Hộ nghèo	9.360.000	
3	Giàng A Thống	2006	12C3	Mông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Mường Nhé						28.080.000	
4	Sông Thị Sai	1905	10A8	Mông	thần kinh trí tuệ	Cận nghèo	9.360.000	
5	Giàng A Dia	2008	11B8	Mông	Vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
6	Vừ Thị Si	2006	12C5	Mông	nghe, nói	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Tuần Giáo						74.880.000	
7	Lò Văn Huy	2007	10A1	Thái	Vận Động	Hộ nghèo	9.360.000	
8	Sùng Thị Hoa	2009	10A3	Mông	Mất	Hộ nghèo	9.360.000	
9	Mùa Thị May	2009	10A4	Mông	U mắt	Hộ nghèo	9.360.000	
10	Sùng Thị Phương Hoa	2009	10A7	Mông	Nhìn	Hộ nghèo	9.360.000	
11	Lò Thị Uyên	2009	10A7	Kháng	Sút môi	Hộ nghèo	9.360.000	
12	Lò Thị Kim Chi	2009	10A8	Thái	Thiếu năng trí tuệ	Hộ cận nghèo	9.360.000	
13	Lò Thanh Hải	2008	11B4	Thái	Nhìn	Hộ nghèo	9.360.000	
14	Lò Thị Thu Trang	2008	11B8	Thái	Vận Động	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Bung Lao						18.720.000	
15	Lò Thị Diên	2008	11B5	Thái	Trí tuệ	Cận nghèo	9.360.000	

TT	Danh sách học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Dạng khuyết tật (vận động, nghe, nói, nhìn,...)	Gia đình thuộc diện hộ nghèo/cận nghèo	Chế độ thụ hưởng	
							Học bổng (80% lương cơ sở/tháng)	Kinh phí mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập 1.000.000 đồng/năm học.
16	Lường Gia Hưng	2009	10A3	Thái	Thiếu máu huyết tán	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Trần Can						9.360.000	
17	Thào A Di	2008	11B5	Mông	Khuyết tật nhìn	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Mường Ảng						18.720.000	
18	Lường Văn Nam	2009	10A5	Thái	Khuyết tật vận động	Hộ cận nghèo	9.360.000	
19	Lò Thị Nghĩa	2008	11B4	Thái	Khuyết tật nhìn	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Mùn Chung						46.800.000	
20	Lò Thị Ngọc Kiều	2009	10A2	Thái	Khuyết tật khác	Hộ nghèo	9.360.000	
21	Lý Văn Trọng	2009	10A2	Thái	Khuyết tật trí tuệ	Hộ nghèo	9.360.000	
22	Cứ A Chang	2008	11B3	H mông	Khuyết tật trí tuệ	Hộ nghèo	9.360.000	
23	Lò Văn Công	2008	11B5	Thái	Khuyết tật khác	Hộ nghèo	9.360.000	
24	Vừ A Phong	2005	12C1	Mông	Vận động nặng	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Chà Cang						18.720.000	
25	Sùng A Mong	2009	10A2	Mông	Nhìn	Hộ nghèo	9.360.000	
26	Giàng A Banh	2009	10A4	HMông	Dị tật ngón tay	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Thị Xa Mường Lay						18.720.000	
27	Điêu Thị Thanh Huyền	2008	Thái	Khác	Hộ cận nghèo	Hộ nghèo	9.360.000	
28	Đình Thị Kim Dung	2007	Kinh	Trí tuệ	Hộ nghèo	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Nậm Pồ						37.440.000	
29	Giàng Thị Hóa	11.03.2009	10A3	Mông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
30	Giàng Công Mống	03.07.2008	11B4	Hmông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
31	Lý Thị Sâu	06.03.2007	11B4	Mông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
32	Tráng Thị Chừ	19.03.2007	12C6	Mông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPT Mường Nhà						9.360.000	

TT	Danh sách học sinh	Năm sinh	Lớp	Dân tộc	Dạng khuyết tật (vận động, nghe, nói, nhìn,...)	Gia đình thuộc diện hộ nghèo/cận nghèo	Chế độ thụ hưởng	
							Học bổng (80% lương cơ sở/tháng)	Kinh phí mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập 1.000.000 đồng/năm học.
33	Mùa A Bìa	2007	12C3	Mông	Câm nhẹ	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trung tâm GDTX tỉnh						9.360.000	
34	Lường Văn Thái	22/10/2007	12C2	Thái	Vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPTCS THPT Quài Tở						28.080.000	
35	Vàng Thái Phong	2012	7a1	Mông	Thần kinh, tâm thần	Hộ nghèo	9.360.000	
36	Lò Văn Hưng	2010	9a1	Thái	Trí tuệ	Cận nghèo	9.360.000	
37	Vừ Thị Xuân	2008	11b4	Mông	Trí tuệ	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THCS THPT Quyết Tiến						37.440.000	
38	Giàng Thị Minh	2013	6D	Mông	Vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
39	Thào Thị Súa	2011	8B	Mông	Nghe, nói	Hộ nghèo	9.360.000	
40	Lường Thị Hằng	2011	8C	Kháng	Nghe, nói	Hộ nghèo	9.360.000	
41	Chang A Dũng	2008	11A	Mông	Vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
	Trường THPTTùa Chùa						18.720.000	
42	Mùa A Minh	06/11/2008	10A5	H'Mông	Khuyết tật vận động	Hộ nghèo	9.360.000	
43	Lò Mạnh Hùng	14/09/2009	10A5	Thái	Khuyết tật nói	Hộ nghèo	9.360.000	